



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

THƯ MỜI

Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè trân trọng kính mời Quý cổ đông Công ty đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè theo thông tin sau:

- 1. Thời gian: 8 giờ 00 ngày 15 tháng 04 năm 2021 (thứ năm)**
- 2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè (Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM)**
- 3. Chương trình làm việc và tài liệu Đại hội** được đăng tải trên trang tin điện tử Công ty: www.capnuocnhabe.vn từ ngày 25/03/2021.
- 4. Đăng ký tham dự:** Theo quy định, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội theo mẫu biểu "*Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội*" được gửi kèm theo thư đến Quý Cổ đông, gửi về **Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh** hoặc fax về Công ty theo số **(028) 5412 2500** trước **16h00 ngày 12/04/2021**.

Đề nghị Quý cổ đông tham dự Đại hội có mặt theo giờ họp, mang theo *Thư mời, Giấy xác nhận tham dự, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính)*. Nếu là người dự họp được ủy quyền, vui lòng mang theo *Thư mời họp, Giấy ủy quyền tham dự (bản chính), CMND/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính)*.

Để thực hiện tốt việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Công ty cam kết tổ chức Đại hội an toàn, cố gắng với số lượng cổ đông vừa phải và đúng quy định. Để đảm bảo quyền quyết định, quyền lợi cổ đông và nếu không thuận tiện về tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền tham dự Đại hội cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoặc cho một người khác và thực hiện bằng Giấy ủy quyền được nêu tại Mục 4 trên.

Nếu cần nắm thêm thông tin về công tác tổ chức Đại hội, xin Quý cổ đông liên hệ Phòng Tổ chức hành chính Công ty: **ông Phạm Bá Hoan, điện thoại 0938 356 273**.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn An
Nguyễn An



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Họ và tên cổ đông: Mã tham dự:

Tên người đại diện (nếu là tổ chức):

Số CMND/CCCD, Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ

Hiện đang sở hữu (bằng số): cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Bằng chữ:

Theo Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tôi/chúng tôi xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông như sau: (Đánh dấu chọn 01 trong 02 mục dưới đây)

1) Tôi trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty
(Nếu chọn mục 1 này, quý vị không cần thực hiện mục số 2 tiếp theo)

2) Tôi ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo thông tin dưới đây:
(Nếu chọn mục 2 này, quý vị chọn hoặc điểm a hoặc điểm b bên dưới)

a. Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị Công ty tham dự Đại hội:

Là ông Chức vụ:

b. Ủy quyền tham dự Đại hội cho ông/bà

Số CMND/CCCD, Hộ chiếu: ngày cấp:

Nơi cấp:

Nội dung ủy quyền: Bên được ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Quyền biểu quyết được tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị ngay khi phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè kết thúc hoặc được thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền gửi đến Chủ tọa cuộc họp trước giờ khai mạc Đại hội theo quy định.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

XÁC NHẬN THAM DỰ /ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

GHI CHÚ:

- ✓ Người được ủy quyền không ủy quyền lại cho người khác và khi đi dự họp phải mang theo CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu và Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông của người ủy quyền (là bản sao y công chứng hoặc bản chính).
- ✓ Nếu Quý cổ đông chọn mục 2.a, tức người được ủy quyền là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty thì không thực hiện phân ký tên “Người được ủy quyền”; Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký tên khi Giấy xác nhận này được gửi đến Công ty.
- ✓ Giấy xác nhận này, sau khi được điền đầy đủ thông tin tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội và ký xác nhận, vui lòng gửi về: **Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh hoặc Fax theo số (028) 5412 2500 trước 16h00 ngày 12/04/2021 hoặc scan gửi qua email: “tchccapnuocnhabe@gmail.com”**. Khi đến dự Đại hội xin mang theo bản chính (nếu chưa gửi bản chính về Công ty).



**CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình	
7 giờ 30	Đón tiếp Quý Cổ đông, Đại biểu	
8 giờ 00	Khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu	
8 giờ 05	Báo cáo Kết quả thẩm tra tư cách cổ đông	
8 giờ 10	Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Đoàn Thư ký	
8 giờ 20	Hướng dẫn Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	
	Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội	
8 giờ 25	Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021	
8 giờ 40	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	
8 giờ 45	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	
9 giờ 15	Trình: <ul style="list-style-type: none">- Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020- Thù lao của HDQT và BKS năm 2021- Ủy quyền thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2021 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV- Danh sách các Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty	
	9 giờ 30	Thảo luận
	10 giờ 00	Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022
	10 giờ 05	Biểu quyết và bầu cử
	10 giờ 20	Giải lao
10 giờ 50	Công bố kết quả biểu quyết của cổ đông	
11 giờ 00	Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	
11 giờ 15	Bế mạc Đại hội	



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0947 /BC-CNNB-KHVTTH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020
và phương hướng nhiệm vụ năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

I/ KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2020:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Về mặt chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè năm 2020 được căn cứ và định hướng theo nội dung Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty và nhiệm vụ tiếp tục duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cung cấp nước sạch theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020.

Về điều kiện thực tế, tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài gây khó khăn cho hoạt động quản lý cấp nước; việc áp dụng giá nước năm 2020 theo lộ trình giai đoạn 2019 – 2022 tại Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố là mặt thuận lợi về nguồn thu, giúp Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.

Ban điều hành xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 như sau:

B. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT-KINH DOANH-TÀI CHÍNH NĂM 2020:

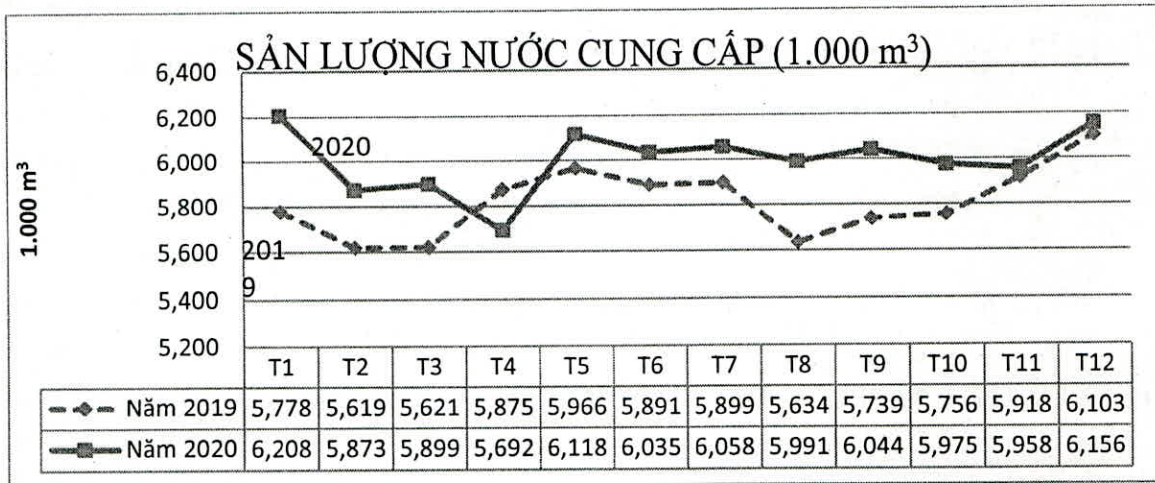
1) Về kinh doanh nước sạch:

- Công ty thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo tỉ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch, cho gần 134.000 đầu nôi tại vùng phục vụ cấp nước của địa bàn: Quận 4, Quận 7 và huyện Nhà Bè với chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định, đủ áp lực cho nhu cầu sử dụng và tiếp tục cấp nước ổn định đến các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An.

- Với chỉ tiêu kế hoạch sản lượng có tính phân đầu cao và mức sử dụng nước của các khách hàng lớn (như Khu chế xuất, Khu Công nghiệp, trường đại học...) bị giảm sút đáng kể do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, nên sản lượng tiêu thụ thấp hơn kế hoạch 2%, đạt 72.008.000 m³, cao hơn năm trước trên 01 triệu m³; trong đó lượng nước tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An đạt trên 1,327 triệu m³, cao hơn



năm trước gần 210.000 m³. Mức tăng trưởng sản lượng so với năm 2019 được thể hiện qua biểu đồ sau:



- Công ty triển khai hiệu quả phương thức không thu tiền nước tại nhà đối với hóa đơn tiền nước điện tử, thông qua giải pháp mở thêm các kênh thanh toán tiện lợi cho khách hàng và nỗ lực trong việc nhắc nợ, đôn đốc khách hàng thanh toán. Tỷ lệ thực thu tiền nước đạt 98,62% ngay trong năm đầu tiên thực hiện phương thức thu không tiền mặt là một kết quả đáng khích lệ.

- Năm 2020, công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên đường ống được thực hiện khá tốt, nên tỉ lệ thất thoát nước giảm 1,38% so với kế hoạch 14,5%.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
- Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	73.500	72.008	97,97
<i>Trong đó, SL Cần Giuộc Long An</i>	1.000m ³	1.200	1.328	110,67
- Doanh thu tiền nước	tr đồng	743.545	737.411	99,18
- Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,50	13,12	-1,38

2) Về công tác chăm sóc khách hàng, phát triển mạng lưới:

- Để duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân và các tổ chức trong vùng phục vụ được cấp nước sạch, Công ty tập trung phát triển mạng lưới và gắn mới đồng hồ nước với số lượng thực hiện là 3.597 cái, đạt 119,90% kế hoạch. Trong đó:

Quận 4	Quận 7	Huyện Nhà Bè	Cộng
129	1.453	2.015	3.597

- Về nghiệp vụ kinh doanh, Công ty thực hiện tốt việc tính đúng giá nước theo đối tượng (áp dụng giá biểu) và kiểm soát tốt định mức nước của khách hàng, nên giá bán bình quân năm 2020 đạt 10.297 đồng/m³, tăng 132 đồng/m³ so với kế hoạch (10.165 đồng/m³). Đây là nỗ lực rất lớn trong điều kiện khó khăn về công tác quản lý

cấp nước theo địa bàn do tình hình dịch bệnh Covid- 19 kéo dài; nhờ vậy góp phần tăng doanh thu tiền nước, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3) Về công tác xây dựng cơ bản và quản lý mạng lưới:

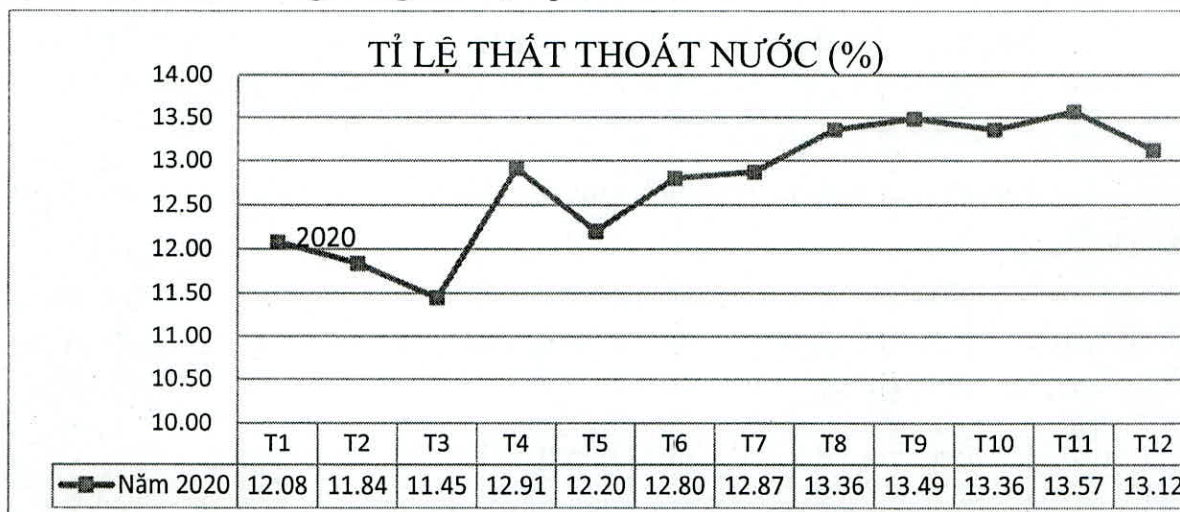
- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty hoàn thành 03 công trình phát triển mạng lưới cấp nước, dài 2.373 mét và 08 công trình sửa chữa ống mục, dài 8.285 mét và 04 hầm đồng hồ tổng, hầm van điều áp tại khu vực Quận 4, Quận 7.

Chi tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)
a) Phát triển mạng lưới (mét)	3.299	2.373	71,93
b) Sửa chữa ống mục (mét)	8.303	8.285	99,78
c) Xây hầm đồng hồ tổng (cái)	7	4	57,14

- Năm 2020, tuy có khó khăn trong việc tiếp nhận nguồn nước sạch từ nhà máy BOO Thủ Đức theo chế độ bơm lưu lượng, nhưng Công ty vẫn vận hành khá tốt hệ thống van, đáp ứng yêu cầu điều chuyển áp lực nước và kiểm soát lưu lượng tại các đồng hồ nước tiểu vùng (DMA) trên toàn mạng lưới cấp nước.

- Để quản lý 886 km đường ống trên toàn địa bàn, với hệ thống 137 đồng hồ nước tiểu vùng (DMA), Công ty đã xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm “Quản lý sự cố cấp nước Nhà Bè”, giúp cho công tác sửa bể được kiểm soát và thực hiện khẩn trương hơn; cũng như theo dõi thường xuyên tình trạng hoạt động của từng DMA, xử lý kịp thời các biến động gây thất thoát nước tại các đầu nối.

- Vận hành tốt 137 DMA; trong đó, 73 DMA (chiếm 48,67% tổng số DMA) có tỉ lệ thất thoát nước dưới 10%, 54 DMA (chiếm 36%) có tỉ lệ thất thoát nước dưới 20%. Tuy có khó khăn trong việc hạ thấp tỉ lệ thất thoát nước theo mức đầu năm, nhưng tỉ lệ thất thoát nước toàn mạng lưới được duy trì bền vững ở mức thấp, với tỉ lệ bình quân năm 2020 là 13,12%, giảm 1,38% so với chỉ tiêu kế hoạch (14,5%). Tỉ lệ thất thoát nước từng tháng thể hiện qua biểu đồ sau:



4) Về kết quả tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)
1. Tổng doanh thu	753.845	751.382	99,67
2. Tổng Chi phí	735.239	730.583	99,37
3. Lợi nhuận trước thuế	18.606	20.799	111,79

- Công tác quản lý tài chính luôn được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành. Kết quả tài chính năm 2020 là khá tốt qua việc tăng trưởng tổng doanh thu - đạt 751,382 tỉ đồng, cao hơn năm trước 84,43 tỉ đồng; trong đó, doanh thu tiền nước đạt trên 737,4 tỉ đồng, chiếm 98,14% tổng doanh thu và tăng 0,05% so với năm trước.

- Mặt khác, nhờ duy trì tỉ lệ thất thoát nước thấp, kiểm soát được chi phí kinh doanh, triển khai tốt công tác truy thu tiền nước đối với các khách hàng kinh doanh (tận thu trên 1,365 tỉ đồng) nên lợi nhuận năm 2020 đạt 20,8 tỉ đồng, bằng 111,8% KH và cao năm trước 2,827 tỉ đồng. Nhờ vậy, đảm bảo được lợi ích vật chất của người lao động và cổ tức của cổ đông năm 2020.

5) Về công tác quản trị doanh nghiệp và thông tin cổ phiếu NBW năm 2020:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện một số chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh (sản lượng, doanh thu, tỉ lệ thất thoát nước ...) qua việc điều hành 13 bộ phận (Phòng, Ban, Đội, Xí nghiệp) để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.

- Công ty quan tâm đến việc bố trí lao động hợp lý để nâng cao chất lượng các mặt công tác đọc số, quản lý đầu nổi. Tiếp tục rà soát hệ thống ISO 9001-2015, tổ chức đánh giá việc thực hiện chức năng nhiệm vụ và Quy trình chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng, ban, đội, xí nghiệp nhằm nâng cao chất lượng làm việc tại các bộ phận chuyên môn.

- Nâng cao dần mức ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh, triển khai “Hệ thống ứng dụng chăm sóc khách hàng” đưa vào sử dụng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành.

- Về thông tin cổ phiếu NBW năm 2020: Thống kê cổ phiếu Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại trang “cophieu68.vn” như sau:

+ Tổng khối lượng cổ phiếu khớp lệnh là: 120.304 cổ phiếu;

+ Giá khớp lệnh thấp nhất: 18.800 đồng/CP; Giá khớp lệnh cao nhất: 42.900 đồng/CP; Giá khớp lệnh bình quân: 23.787 đồng/CP.

6) Đánh giá chung:

Vượt qua khó khăn về sự tác động của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, năm 2020, Công ty hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị Công ty giao, với mục tiêu duy trì được các yếu tố phát triển bền vững, thể hiện qua các điểm sau:

- *Một là*, thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn theo kế hoạch chung của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển mạng lưới và khách hàng, đảm bảo 100% hộ dân vùng phục vụ được cấp nước sạch và tiếp tục cấp nước ổn định đến các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

- *Hai là*, quản lý tốt mạng lưới và đầu nối, duy trì tỉ lệ thất thoát nước thấp, bình quân 13,12%, tiết kiệm được chi phí kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận, bảo đảm được thu nhập của người lao động và cổ tức của cổ đông;

- *Ba là*, nâng cao hơn mức ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cấp nước và cải cách hành chính hướng đến tiện lợi hơn cho khách hàng.

II/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2021:

Trên cơ sở giá mua sỉ nước sạch năm 2021 đã được Hội đồng quản trị thông qua và áp dụng giá nước bán lẻ năm 2021 theo lộ trình giai đoạn 2019 – 2022; với phương châm “Đoàn kết, Sáng tạo, Phát triển bền vững” Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2021 như sau:

1) Chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2021:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tăng trưởng (%)
a) Sản lượng nước tiêu thụ (1.000m ³)	72.008	73.600	2,21
b) Tổng doanh thu (triệu đồng)	751.382	797.964	6,20
c) Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	20.799	22.003	5,79

2) Nhiệm vụ trọng tâm:

Tập trung tổ chức thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021. Cụ thể qua các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- *Một là, cấp nước an toàn và tăng sản lượng*: tập trung nâng cao năng lực cấp nước trên cơ sở triển khai quyết liệt việc phát triển mạng lưới cấp nước và gắn mới đồng hồ nước; duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lượng nước cung cấp qua việc thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn trên vùng phục vụ cấp nước tại Quận 4, Quận 7, huyện Nhà Bè và tiếp tục cấp nước an toàn, hiệu quả trên vùng cấp nước mở rộng tại các xã vùng hạ, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;



- Hai là, giảm thất thoát nước, giảm chi phí kinh doanh và tăng trưởng doanh thu: tiết kiệm chi phí kinh doanh; tiếp tục triển khai các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, nhằm thực hiện được mục tiêu giảm bền vững thất thoát nước, phấn đấu đạt tỉ lệ 12,5%, tiệm cận đến tỉ lệ thất thoát nước kinh tế; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh (chỉ số nước, giá biểu, định mức nước) tăng giá bán bình quân;

- Ba là, nâng cao chất lượng làm việc và trình độ quản trị doanh nghiệp: có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng; nâng cao năng lực làm việc của cán bộ về mặt chỉ huy và tham mưu giỏi trong thực hiện nhiệm vụ.

3) Giải pháp thực hiện:

Để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu nêu trên, Công ty sẽ triển khai các giải pháp thực hiện như sau:

- Có giải pháp điều phối áp lực nước trong điều kiện tiếp nhận nguồn nước BOO Thủ Đức theo chế độ bơm lưu lượng và nguồn nước tăng thêm từ tuyến cấp 2 mới vận hành (như tuyến D600 Huỳnh Tấn Phát) đảm bảo được hai yêu cầu: một là, đủ áp lực nước cho nhu cầu sử dụng của khách hàng trên toàn vùng phục vụ cấp nước để tăng sản lượng; hai là, kiểm soát được tỉ lệ thất thoát nước trên từng tiểu vùng;

- Chủ động đầu tư và hoàn chỉnh dần hệ thống các tuyến ống cấp 3 để có thể kịp cấp nước cho khách hàng tại các khu đô thị mới, trước hết là Dự án Khu dân cư GS Huyện Nhà Bè, nhằm tăng nhanh sản lượng nước cung cấp và tham gia thúc đẩy quá trình đô thị hóa khu vực;

- Đẩy mạnh công tác phân vùng tách mạng, thiết lập hoàn chỉnh các tiểu vùng DMA; đến cuối năm 2021, vận hành đủ 150 DMA trên toàn địa bàn để kiểm soát tốt nước thất thoát hữu hình; có chương trình kiểm tra thường xuyên và kiểm tra chuyên đề để đánh giá đúng chất lượng thực hiện nghiệp vụ kinh doanh và việc sử dụng nước của khách hàng để kiểm soát tốt nước thất thoát vô hình;

- Có giải pháp ưu tiên áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước; đầu tư thiết bị công nghệ có chức năng kiểm soát ngày càng tốt hơn áp lực và chất lượng nước trên một số tuyến ống (từ thí điểm đến mở rộng); trong đó, sử dụng các loại vật tư có tích hợp công nghệ thông minh, đảm bảo cho mục tiêu cấp nước an toàn và thực hiện chủ trương hiện đại hóa dần công tác quản lý cấp nước;

- Thực hiện quyết liệt giải pháp kiểm soát các chỉ tiêu kinh doanh (như giá biểu, định mức nước) có ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu tiền nước; phải tăng được giá bán bình quân đã loại trừ việc tăng giá bán lẻ của năm 2021; nghiên

cứu, sớm triển khai các giải pháp đọc số theo từng khu vực DMA để đánh giá chất lượng công tác của công nhân viên và hiệu quả kinh tế theo từng tiểu vùng cấp nước; áp dụng các biện pháp kinh tế kích cầu tiêu dùng nước đối với khách hàng tập thể;

- Làm tốt công tác quản lý khách hàng, quản lý đầu nổi, nâng cao hiệu quả kinh doanh nước sạch; triển khai hiệu quả phương thức không thu tiền nước tại nhà thông qua việc mở thêm các kênh thanh toán tiện lợi cho khách hàng và tổ chức tốt công tác đôn đốc thanh toán tiền nước qua việc tổ chức đọc chỉ số nước đồng thời với quản lý công nợ tiền nước của khách hàng cho phù hợp với giải pháp không thu tiền nước tại nhà khách hàng;

- Xây dựng và triển khai ứng dụng các công cụ trên nền NHABEGIS vào nghiệp vụ kỹ thuật và kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng công tác trong hoạt động cấp nước; có giải pháp vận hành hiệu quả và hoàn thiện dần “Tổng đài chăm sóc khách hàng”; xây dựng quy chế phối hợp làm việc cùng với cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng

- Xây dựng môi trường làm việc ngày càng lịch sự và tiện lợi hơn trên cơ sở có kế hoạch và lộ trình chỉnh sửa văn phòng làm việc và đầu tư dần cơ sở vật chất tốt, phù hợp với việc mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin;

- Duy trì sản phẩm nước đóng chai SawaNew trên cơ sở có xem xét tính hữu ích và hiệu quả kinh doanh; có kế hoạch làm việc cụ thể về chính sách cấp nước và lộ trình đầu tư cụ thể để có thể mở rộng thêm thị phần tiêu thụ nước tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV, TCHC, KHVTTT).

GIÁM ĐỐC



Lý Thành Tài



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ ĐÍNH: KẾT QUẢ SẢN XUẤT-KINH DOANH-TÀI CHÍNH NĂM 2020

Đính kèm Báo cáo số **0947**/BC-CNNB-KHVTTH ngày 25/3/2021

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH2020/ KH2020
A) SẢN XUẤT - KINH DOANH				
1. Sản lượng nước tiêu thụ (1.000m ³)	70.919	73.500	72.008	97,97%
2. Gắn mới ĐHN (cái)	4.339	3.000	3.597	119,90%
3. Thay ĐHN nhỏ (cái)	20.095	24.000	24.170	100,71%
4. Thay ĐHN lớn (cái)	86	153	55	35,95%
5. Tỷ lệ thất thoát nước (%)	13,08	14,50	13,12	-1,38%
B) ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (triệu đồng)				
1. Phát triển mạng lưới	6.929	9.064	2.877	31,74%
2. Sửa chữa ống mục	10.526	25.340	16.126	63,64%
3. Hàm đồng hồ tổng	1.540	2.692	754	28,01%
C) MUA SẴM THIẾT BỊ (triệu đồng)				
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước năm 2020	-	6.200	3.998	64,48%
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	-	3.700	1.096	29,61%
3. Trang bị phương tiện phục vụ nhu cầu quản lý mạng lưới và phục vụ công tác cho công ty	-	1.200	995	82,92%
4. Bảo trì, bảo dưỡng thay mới các thiết bị phục vụ sản xuất nước đóng chai sawanew	-	800	789	98,58%
5. Sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, nhà vệ sinh công trình nội bộ	-	3.000	1.643	54,76%
D) TÀI CHÍNH (triệu đồng)				
1. Tổng doanh thu	666.949	753.845	751.382	99,67%
2. Tổng chi phí	648.976	735.239	730.583	99,37%
3. Lợi nhuận trước thuế	17.973	18.606	20.799	111,79%



BÁO CÁO

**Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020
và định hướng hoạt động năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 có 07 thành viên:

Họ và tên	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
	Cổ phiếu	Tỉ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỉ lệ (%)
1. Nguyễn An	0	0	1.456.318 (SWC)	13,36
2. Bùi Thanh Giang	0	0	1.456.318 (SWC)	13,36
3. Lý Thành Tài	6.700	0,061	1.456.318 (SWC)	13,36
4. Lý Bửu Nghĩa	0	0	1.456.318 (SWC)	13,36
5. Nguyễn Thanh Tùng	0	0	1.090.000 (DAB)	10,00
6. Nguyễn Ngọc Thái Bình Lục Chánh Trường	0	0	2.182.000 (REE Water)	20,02
7. Nguyễn Anh Tuấn	0	0		

Ngày 28/8/2020, Hội đồng quản trị đã thống nhất miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Thái Bình và bầu ông Lục Chánh Trường tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017 – 2022 theo đề nghị của cổ đông Công ty cổ phần Cơ điện lạnh. Việc miễn nhiệm tư cách và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo danh sách trên sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021.

2) Kết quả sản xuất kinh doanh:

Công ty thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, qua gần 134.000 đầu nối, cho

nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình và sản xuất - kinh doanh của các tổ chức trên vùng phục vụ cấp nước Quận 4, Quận 7 và huyện Nhà Bè với chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định và đủ áp lực cho nhu cầu sử dụng. Do ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh Covid-19, năm 2020 mức sử dụng nước của các khách hàng lớn (như Khu chế xuất, Khu Công nghiệp, trường đại học...) bị giảm sút đáng kể, nên sản lượng nước cung cấp đạt 72.008.000 m³, thấp hơn kế hoạch 2% nhưng cao hơn năm trước trên 01 triệu m³.

Để duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân và các tổ chức trong vùng phục vụ được cấp nước sạch, Công ty hoàn thành 03 công trình phát triển mạng lưới 2.373 mét và gắn mới 3.597 đồng hồ nước, đạt 119,90% kế hoạch. Công ty tiếp tục cấp nước ổn định đến các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An. với sản lượng đạt trên 1,327 triệu m³, cao hơn năm trước gần 210.000 m³.

Về công tác chống thất thoát nước, Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước theo kế hoạch, với 08 công trình cải tạo ống mục (8.285 mét) để giảm nguy cơ xì bể đường ống gây thất thoát nước; tăng cường công tác dò tìm và sửa chữa điểm bể kịp thời. Tuy có khó khăn trong việc tiếp nhận nguồn nước BOO Thủ Đức theo chế độ bơm lưu lượng, nhưng Công ty vẫn vận hành hiệu quả hệ thống van đáp ứng yêu cầu điều áp và kiểm soát lưu lượng tại các đồng hồ nước tiểu vùng (DMA) trên toàn mạng lưới. Qua đó, tỉ lệ thất thoát nước bình quân năm là 13,12%, giảm 1,38% so với chỉ tiêu kế hoạch (14,5%). Công ty quan tâm đến công tác giảm thất thoát nước vô hình, thực hiện khá tốt nghiệp vụ đo đếm lượng tiêu thụ qua việc tu chỉnh quy trình đọc chỉ số nước bằng điện thoại thông minh, hoàn thành chỉ tiêu thay 100% các đồng hồ nước ngưng hư và thay định kỳ với 24.225 đồng hồ nước các cỡ; nhờ vậy, lượng nước cung cấp phản ánh đúng thực tế, góp phần giảm đơn thu về chỉ số nước.

Công ty vận hành khá tốt hệ thống quản lý hoá đơn điện tử tiền nước đồng thời triển khai hiệu quả phương thức không thu tiền nước tại nhà; thông qua giải pháp mở thêm các kênh thanh toán tiện lợi cho khách hàng và nỗ lực trong việc nhắc nợ, đôn đốc khách hàng thanh toán. Tỷ lệ thực thu tiền nước đạt trên 98,6% ngay trong năm đầu tiên thực hiện phương thức thu không tiền mặt là một kết quả đáng khích lệ.

Công ty tiếp tục triển khai cải cách thủ tục hành chính theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng; rà soát và sửa đổi các quy chế phối hợp làm việc có hiệu quả hơn giữa các phòng-ban-đội chuyên môn; triển khai các giải pháp nâng cao dần mức ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiệp vụ kinh doanh và giao tiếp với khách hàng qua việc hoàn chỉnh dần hoạt động của Trung tâm chăm sóc khách hàng trực tuyến - Call Center và Hệ thống chăm sóc khách hàng, nên chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

Về kết quả tài chính, nhờ việc áp dụng giá nước mới theo lộ trình 2019 – 2022, giá bán bình quân tăng 1.029 đồng/m³ so với năm 2019 và cao hơn kế hoạch 132 đồng/m³. Mặt khác, việc duy trì tỷ lệ thất thoát nước thấp và kiểm soát được chi phí kinh doanh, nên tổng doanh thu đạt trên 751,382 tỉ đồng, lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt gần 20,8

ti đồng, bằng 111,8% KH và cao năm trước 2,827 tỉ đồng. Đây là yếu tố cơ bản bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Công ty năm 2020; qua đó, đảm bảo được thu nhập của người lao động và cổ tức của cổ đông.

3) Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, Quy chế quản trị hiện hành. Thành viên Hội đồng quản trị là những người kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp và có tâm huyết đối với các hoạt động cấp nước của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các phiên họp và thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng và thực hiện đúng thẩm quyền trong việc thông qua các quyết định thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020.

Năm 2020, Hội đồng quản trị họp 07 phiên và 03 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét các vấn đề về kế hoạch và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tài chính quý/năm; các chủ trương về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư, trang thiết bị và phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh, giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020, 2021. (Phụ đính : các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 – 2021). Hầu hết các quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đều đạt được sự đồng thuận cao của các thành viên. Theo đó, đã định hướng đúng cho mọi hoạt động của Công ty, bảo đảm được sự tăng trưởng lợi nhuận và tài sản. Số buổi dự họp Hội đồng quản trị năm 2020 của các thành viên như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp HĐQT	Tỷ lệ dự họp
1	Nguyễn An	Chủ tịch	7	100%
2	Lý Thành Tài	Thành viên	7	100%
3	Bùi Thanh Giang	Thành viên	7	100%
4	Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	7	100%
5	Nguyễn Ngọc Thái Bình, Lục Chánh Trường	Thành viên	7	100%
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	7	100%
7	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	7	100%

4) Về tiền lương và thù lao của người quản lý Công ty:

Chế độ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty được thực hiện theo Nghị định số 53/2016 ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư

28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh-Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Về quỹ tiền lương, Công ty thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020; trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách (gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng) là 2.917 triệu đồng - bình quân 486,1 triệu đồng/người/năm; tổng thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (06 triệu đồng/người/tháng) và Kiểm soát viên không chuyên trách (3,1 triệu đồng/người/tháng) là 580,8 triệu đồng.

5) Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty thể hiện đúng mối quan hệ công tác với Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổ chức - hoạt động, Quy chế về quản trị nội bộ Công ty và theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với các giao dịch mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Trong quản trị doanh nghiệp, Giám đốc Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính, nghĩa vụ thuế và chi phí bảo hiểm. Trong điều hành hoạt động sản xuất-kinh doanh, Giám đốc Công ty thể hiện tốt vai trò chỉ huy; chỉ đạo triển khai tích cực các giải pháp quản lý dòng tiền kinh doanh, giảm nước thất thoát, tăng trưởng sản lượng và doanh thu, bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo định hướng tại các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Mối quan hệ trong nội bộ Ban Giám đốc Công ty là khá tốt qua sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Các thành viên Ban Giám đốc có năng lực công tác, có chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tin nhiệm và thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc các lĩnh vực chuyên môn cấp nước về mặt kinh doanh và kỹ thuật. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt hiệu quả cao.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1) Định hướng hoạt động:

Dự báo năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Công ty có thuận lợi về nguồn thu theo việc áp dụng đơn giá bán lẻ lộ trình 2019 – 2022 theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

Với mục tiêu xây dựng doanh nghiệp cấp nước hướng tới hiện đại, thân thiện với khách hàng, làm tròn sứ mệnh cấp nước tại vùng phục vụ, định hướng của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2021 và những năm tới là:

- Một là, “tập trung thực hiện mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông Công ty giao”
- Hai là, *cấp nước an toàn và tăng sản lượng*: tập trung nâng cao năng lực cấp nước trên cơ sở triển khai quyết liệt việc phát triển mạng lưới cấp nước và gắn mới đồng hồ nước; duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lượng nước cung cấp qua việc thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn trên vùng phục vụ cấp nước tại Quận 4, Quận 7, huyện Nhà Bè và tiếp tục cấp nước an toàn, hiệu quả trên vùng cấp nước mở rộng tại các xã vùng hạ, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Ba là *giảm thất thoát nước, giảm chi phí kinh doanh và tăng trưởng doanh thu*: tiết kiệm chi phí kinh doanh; tiếp tục triển khai các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, nhằm thực hiện được mục tiêu giảm bền vững thất thoát nước, phấn đấu tiệm cận đến tỷ lệ thất thoát nước kinh tế; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh (chỉ số nước, giá biểu, định mức nước) để tăng giá bán bình quân;
- Bốn là, *nâng cao chất lượng làm việc và trình độ quản trị doanh nghiệp*: có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng; nâng cao năng lực của cán bộ về mặt chỉ huy và tham mưu giỏi trong thực hiện nhiệm vụ.

2) Cam kết về môi trường và cộng đồng:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh nước sạch, Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè thực hiện đúng quy định pháp luật với các cam kết sau:

- Thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính - kế toán doanh nghiệp, về hoạt động kinh doanh nước sạch, về công tác quản lý lao động - tiền lương và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- Thực hiện nghiêm chế độ bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ.
- Duy trì hoạt động cấp nước hướng đến khách hàng, xem nước sạch là nhu cầu thiết yếu cho đời sống cộng đồng, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước sạch cho tất cả dân cư và các tổ chức trên địa bàn phục vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV. HĐQT)



Nguyễn An



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ đính: Các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 – 2021

(Kèm theo Báo cáo số **0948**/BC-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021)

TT	Mục	Số hiệu và nội dung
1	NQ	Số 27/NQ-CNNB-HĐQT ngày 10/01/2020
	Nội dung	- Đơn giá mua bán sỉ nước sạch kỳ 12 năm 2019 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2020; - Danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2020
2	NQ	Số 28/NQ-CNNB-HĐQT ngày 05/03/2020
	Nội dung	- Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019; - Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020; - Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và Kế hoạch lao động - tiền lương năm 2020.
3	NQ	Số 29/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/03/2020
	Nội dung	- Điều chỉnh quỹ tiền lương năm 2109 và năm 2020. - Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 gồm: + Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020. + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019. + Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. + Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. + Chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020. + Ủy quyền thương thảo hợp đồng mua bán sỉ nước sạch. + Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. - Phân công nhân sự phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
4	NQ	Số 30/NQ-CNNB-HĐQT ngày 03/04/2020 (Lấy ý kiến văn bản)
	Nội dung	Điều chỉnh thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	NQ	Số 31/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/05/2020
	Nội dung	- Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính Quý I năm 2020; - Đơn giá và thanh toán tiền mua sỉ nước sạch; - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2020; - Trang bị điện thoại di động cho Người quản lý chuyên trách.

TT	Mục	Số hiệu và nội dung
6	NQ	<i>Số 32/NQ-CNNB-HĐQT ngày 28/8/2020</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính Quý II năm 2020; - Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; - Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020; - Lắp đặt bổ sung hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở Công ty - Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tạm thời.
7	NQ	<i>Số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 02/11/2020</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính Quý III năm 2020; - Danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021; - Chỉ định Người phụ trách quản trị Công ty; - Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; - Đơn giá mua bán sỉ nước sạch kỳ 12/2019 và năm 2020
8	NQ	<i>Số 34/NQ-CNNB-HĐQT ngày 03/3/2021</i>
	Nội dung	Thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020 <i>(Lấy ý kiến văn bản)</i>
9	NQ	<i>Số 35/NQ-CNNB-HĐQT ngày 04/31/2020</i>
	Nội dung	Thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2021 <i>(Lấy ý kiến văn bản)</i>
10	NQ	<i>Số 36/NQ-CNNB-HĐQT ngày 11/3/2020</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính Quý IV và năm 2020; - Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2021;





**CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0949 / BC-CNNB-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,

Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

1) Thành phần và chế độ làm việc của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2017 – 2022) hiện gồm 05 thành viên là Bà Võ Thị Cẩm Tú - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách và 04 kiểm soát viên là Bà Phạm Thị Phương Linh, Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh, Ông Nguyễn Công Thành, Ông Nguyễn Hoàng Lam. Trưởng Ban KS chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty theo quy định, 04 Kiểm soát viên (KSV) không làm việc tại Công ty và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Các KSV hoạt động độc lập, không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Giám đốc (BGĐ) và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

a. Tổng kết các cuộc họp của BKS:

Năm 2020, BKS họp 06 phiên, để thống nhất thông qua các vấn đề sau:

- Kiểm tra, thẩm định và đóng góp ý kiến cho tài liệu các phiên họp của HDQT;
- Triển khai phân công nhiệm vụ năm 2020 cho từng KSV, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2020, thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2020;
- Thẩm định, góp ý Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) và phương hướng nhiệm vụ các quý và năm 2020;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2020 được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Thường xuyên đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HDQT, các nội dung khác có liên quan; kết quả hoạt động của BKS giữa các kỳ họp và thông qua nhiệm vụ trọng tâm hàng quý và năm 2020.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

BKS thực hiện công tác năm 2020 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua là:

- KSV tham dự đầy đủ, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. Trưởng BKS tham dự và đóng góp ý kiến thảo luận tại các cuộc họp tại Công ty như: giao ban định kỳ hàng tháng, họp chuyên đề... qua đó, nắm bắt được tình hình hoạt động của HĐQT và BGĐ tại Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị của HĐQT, và chế độ làm việc của các phòng-ban-đội chức năng Công ty;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGĐ trong quá trình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2020;
- Thẩm định BCTC quý, bán niên và năm 2020; Kế hoạch tài chính năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, cổ tức năm 2020; Kiểm tra tính hợp pháp và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính;
- Phối hợp với Phòng Kế toán tài chính Công ty cùng làm việc với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Cục Thuế Tp.HCM theo Quyết định số 833/QĐ-CT-KT ngày 25/05/2020 về việc kiểm tra thuế năm 2018 tại Công ty; Kiểm toán nhà nước (KTNN) theo Quyết định số 1410/QĐ-KTNN ngày 09/10/2020 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật;
- Tư vấn ý kiến chuyên môn cho HĐQT, BGĐ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;
- Nghiên cứu các thông tư, nghị định chuyên ngành nhằm kiến nghị, bổ sung những vấn đề chưa phù hợp, nâng cao hệ thống kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty;
- Tham gia góp ý về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác thuộc quyền và nghĩa vụ của BKS theo quy định.

2) Tiền lương, thù lao của BKS và KSV năm 2020:

Thực hiện Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã chi trả và hạch toán trong BCTC năm 2020 theo quy định hiện hành; với thù lao của KSV không chuyên trách là 3.100.000 đồng/người/tháng và chi phí tiền lương, các quyền lợi khác của Trưởng BKS chuyên trách theo chế độ thang bảng lương và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1) Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 và các nghị quyết của HĐQT, tổng kết tình hình kiểm tra, giám sát, BKS nhận thấy:

Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, có tác động đến hoạt động SXKD của Công ty - như kết quả thực hiện sản lượng nước cung cấp và doanh thu tiền nước; Công tác quản lý cấp nước, thu tiền, đọc chỉ số nước gặp nhiều khó khăn. BKS đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của HĐQT và BGĐ trong việc chỉ đạo, phát động các phong trào thi đua và triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD. Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về sản lượng nước tiêu thụ, tổng doanh thu, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, tỷ lệ thất thoát nước, lợi nhuận trước thuế... theo kế hoạch năm 2020 và có tăng trưởng so với năm 2019. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH2020 so với (%)	
					TH2019	KH2020
A. Về sản xuất-kinh doanh						
1. Sản lượng nước TT	1.000 m ³	70.919	73.500	72.008	+1,54	-2,02
2. Doanh thu tiền nước	triệu đồng	655.135	743.545	737.411	+12,56	-0,82
3. Tỷ lệ thực thu tiền nước	%	99,05	100	98,72	-0,33	-1,28
4. Thay ĐHN cỡ nhỏ	cái	20.095	24.000	24.170	+20,28	+0,71
5. Thay ĐHN cỡ lớn	cái	86	153	55	-36,05	-64,05
6. Gắn mới ĐHN	cái	4.339	3.000	3.597	-17,10	+19,90
7. Tỷ lệ thất thoát nước	%	13,08	14,50	13,12	+0,04	-1,38
8. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100	100	100	100	100
B. Về xây dựng cơ bản						
1. Phát triển mạng cấp 3	mét	5.972	3.299	2.373	-60,26	-28,07
2. Sửa chữa ống mục	mét	4.372	8.303	8.285	+89,50	-0,22
3. Hàm đồng hồ tổng	cái	8	7	4	-50,00	-42,86
C. Về tài chính						
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	666.949	753.845	751.382	+12,66	-0,33
2. Tổng chi phí	triệu đồng	648.976	735.239	730.583	+12,57	-0,63
3. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	17.973	18.606	20.799	+15,72	+11,79
4. Tỷ lệ chia cổ tức (ước)	%	9	9	11	+22,22	+22,22

Nhận xét:

- Do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, sản lượng nước của các khách hàng lớn như Khu chế xuất, Khu công nghiệp, các trường đại học... giảm sút đáng kể, nên sản lượng nước cung cấp đạt 72.008 triệu m³, thấp hơn -2,02% kế hoạch năm 2020, nhưng cao hơn năm 2019 là 1.089 triệu m³; sản lượng nước cung cấp tại xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An đạt trên 1.327 triệu m³, cao hơn năm trước gần 210.000 m³.

- Doanh thu tiền nước tăng 82.276 triệu đồng (+12,56%) so với năm 2019 và giảm 6.134 triệu đồng (-0,82%) so với KH 2020. Công ty triển khai khá tốt công tác tính giá nước theo đối tượng, kiểm soát tốt định mức khách hàng; nhờ vậy, giá bán bình quân 2020 đạt 10.297 đồng/m³, tăng 132 đồng/m³ so với kế hoạch (10.165đ/m³). Đây là điểm tích cực về công tác quản lý khách hàng trong điều kiện dịch bệnh Covid- 19 kéo dài, góp phần tăng doanh thu tiền nước.
- Công ty triển khai hiệu quả phương thức không thu tiền nước tại nhà đối với hóa đơn điện tử thông qua giải pháp mở thêm các kênh thanh toán tiện lợi cho khách hàng, nỗ lực trong việc nhắc nợ, đôn đốc khách hàng thanh toán; tỷ lệ thực thu tiền nước đạt 98,72% ngay trong năm đầu tiên thực hiện phương thức thu không tiền mặt là một kết quả đáng khích lệ góp phần tăng vòng quay vốn kinh doanh.
- Về công tác phát triển khách hàng, Công ty gắn mới 3.597 đồng hồ nước (trong đó: Quận 4: 129 cái; Quận 7: 1.453 cái; Huyện Nhà Bè: 2.015 cái), vượt KH 19,9%, góp phần thực hiện chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Thay 24.170 đồng hồ nước cỡ nhỏ, vượt KH +0,71% và tăng +20,28% so với năm 2019.
- Thay 55 đồng hồ nước cỡ lớn, thấp hơn KH -64,05% và giảm -36,05% so với năm 2019.
- Công ty vận hành khá tốt hệ thống 137 đồng hồ nước tiêu vùng (DMA) trên mạng lưới cấp nước 886 km toàn địa bàn; nhờ vậy tỷ lệ thất thoát nước duy trì bền vững ở mức thấp là 13,12%, giảm (-1,38%)/KH 2020 và (+0,04%)/TH 2019.
- Về công tác XD CB, Công ty hoàn thành 03 công trình phát triển mạng lưới 2.373 mét, đạt 71,93% KH; 08 công trình sửa chữa ống mục 8.285 mét, đạt 99,78% KH; hoàn thành 4 công trình xây hầm đồng hồ tổng, đạt 57,14% KH.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 751.382 triệu đồng, tăng 84.433 triệu đồng, cao hơn +12,66% năm 2019. Trong đó:
 - + Doanh thu tiền nước tăng 82.276 triệu đồng (+12,56%)/TH 2019 nhờ giá bán bình quân tăng 1.002,87 đồng/m³ và doanh thu sản lượng nước Long An tăng 2.240 triệu đồng (+30,88%)/TH 2019.
 - + Doanh thu nước đóng chai Sawanew giảm 513 triệu đồng (-9,31%)/TH 2019 trong điều kiện chính sách hạn chế sử dụng vật phẩm nhựa, dịch covid-19.
 - + Doanh thu khác tăng 2.670 triệu đồng, cao hơn +42,38% năm 2019.
- Tổng Chi phí là 730.583 triệu đồng, giảm 4.656 triệu đồng (-0,63%)/KH 2020 và tăng 81.607 triệu đồng (+12,57%)/TH 2019. Cụ thể so với cùng kỳ năm trước như sau:
 - + Giá vốn hàng bán tăng 79.545 triệu đồng (+17,95%)/TH 2019; trong đó giá vốn nước mua si tăng 78.589 triệu đồng, do đơn giá mua si tăng và sản lượng nước mua si tăng 1.290.645 m³ tương đương tăng 7.780 triệu đồng, sản lượng Long An tăng 209.406 m³ tương đương tăng 1.497 triệu đồng; giá vốn khác tăng 956 triệu đồng (chủ yếu tăng chi phí gắn mới, bồi thường đồng hồ nước).
 - + Chi phí bán hàng tăng 6.593 triệu đồng (+4,96%), chủ yếu: chi phí thay và gắn mới đồng hồ nước miễn phí tặng, chi phí tu bổ sửa bể tăng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 3.913 triệu đồng (-5,42%), chủ yếu: chi phí bằng tiền khác giảm, tiền thuê đất năm 2019 cao hơn năm 2020 (do tính lại đơn giá thuê đất từ năm 2014 đến năm 2018).

+ Chi phí khác giảm 618 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 20.799 triệu đồng, vượt KH +11,79% và tăng 2.826 triệu đồng (+15,72%)/TH 2019. Nhờ vậy, ước tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 có thể tăng từ 1% – 2% so với cổ tức năm 2019 (9%).

2) Thẩm định tình hình tài chính:

BKS thẩm định Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 đã kiểm toán và nhận thấy:

- Báo cáo tài chính được lập đúng quy định về biểu mẫu và thời gian; được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách hệ thống, nhất quán; thực hiện đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng; tuân thủ các quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- BCTC kiểm toán năm 2020 phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn, hợp lý; đáp ứng yêu cầu truy lục, phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm toán.

Một số chỉ tiêu phân tích tài chính (thời điểm 31/12/2020) như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	26,17	37,71
2. Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	73,83	62,29
3. Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,16	38,93
4. Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	66,84	61,07
5. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,80	0,97
6. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,62	0,86
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	%	2,04	2,18
8. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5,53	5,96
9. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,27	9,77

Nhận xét: Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, cơ cấu vốn của Công ty không thay đổi nhiều so với năm 2019; khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh năm 2020 tương đối ổn định so với thực hiện năm 2019. Về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu thì kết quả năm 2020 tăng hơn so với thực hiện năm 2019, chi tiết như sau:

+ Hệ số Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản là 37,71%: *vốn lưu động ngắn hạn đảm bảo và chiếm tỷ lệ thấp so với tổng tài sản hiện có tại đơn vị.*

5 

+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 38,93%: các khoản nợ phải trả của Công ty có mức độ an toàn cao, rủi ro tài chính thấp.

+ Khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn đạt 0,97 lần: tình hình tài chính đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số < 1.

+ Khả năng thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn đạt 0,86 lần: vốn lưu động đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số < 1

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt 2,18% (tăng (+0,14%)/TH 2019).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản đạt 5,96% (tăng (+0,43%)/TH 2019).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu đạt 9,77% (tăng (+1,50%)/TH 2019).

▲ **Về Quỹ khen thưởng và các khoản chi mang tính chất phúc lợi:**

- Quỹ khen thưởng thực chi năm 2020: 3.602.818.270 đồng

Trong đó: + Quỹ khen thưởng là: 3.185.000.000 đồng

+ Quỹ chống thất thoát nước: 417.718.270 đồng

- Các khoản chi mang tính chất phúc lợi: 6.590.846.128 đồng

Việc chi khen thưởng và các khoản chi mang tính phúc lợi thực hiện đúng quy định.

Nhận xét: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, Công ty chưa hạch toán phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020.

▲ **Về tình hình nhân sự và tiền lương:** (tại thời điểm 31/12/2020)

- Tổng Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020: 83.738.000.000 đồng

Trong đó: + Quỹ tiền lương của người QL chuyên trách: 2.916.730.831 đồng

+ Quỹ tiền lương của Người lao động: 80.821.269.169 đồng

- Số lao động bình quân năm 2020: 390 người

- Thu nhập bình quân của NLĐ: (384 người) 17.539.338 đồng

- Thu nhập bình quân của NQL chuyên trách: (6 người) 40.510.150 đồng

Nhận xét: Công ty áp dụng chế độ tiền lương theo Nghị định số 53/2016 ngày 13/06/2016 của Chính Phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 và thực hiện Quỹ tiền lương theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2020. Số lao động năm 2020 bình quân là 390 người giảm (-0,51%)/KH 2020; Tổng quỹ tiền lương thực hiện tăng (+2,95%)/KH 2020; Công ty đảm bảo các chế độ vật chất và bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

▲ **Về đầu tư xây dựng cơ bản:** (tại thời điểm 31/12/2020)

Số dư nợ tài khoản 241 – Xây dựng cơ bản dở dang là: 6.191.638.705 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nhóm công trình	Số dư 31/12/2019	Số dư 31/12/2020
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	728.871.818	3.560.184.929
2. Di dời hệ thống cấp nước	195.132.923	329.246.992
3. Xây dựng hầm đồng hồ tổng		

Nhóm công trình	Số dư 31/12/2019	Số dư 31/12/2020
4. Công tác giảm nước không doanh thu		
5. Thay đay xám và ống nhánh	193.140.456	137.984.330
6. Chi phí sửa chữa ống mục	48.809.756	2.056.582.454
7. Khác	515.107.669	107.640.000
Tổng cộng	1.681.062.622	6.191.638.705

Trong năm 2020, Công ty đã nỗ lực thanh quyết toán các hồ sơ dự án XD/CB tồn đọng của các năm cũ, hoàn thành tăng TSCĐ số tiền là 19.458.370.911 đồng, cụ thể:

- Công trình Phát triển mạng lưới cấp nước: 4.446.312.288 đồng
- Sửa chữa, cải tạo ống mục cấp nước: 12.933.131.403 đồng
- Xây dựng hầm ĐHT DMA: 506.600.930 đồng
- Công tác khác: 1.572.326.290 đồng

3) Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020:

Căn cứ kết quả SXKD năm 2020, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và cổ tức năm 2020 như sau:

- Lợi nhuận năm trước còn lại (1) = 864.792.138 đồng (tăng 660.284.418 đồng do điều chỉnh hồi tố tại Biên bản kiểm tra Cục Thuế TP.HCM kỳ kiểm tra thuế 2018)
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 (2) = 16.340.210.738 đồng
- Tổng lợi nhuận phân phối (3) = (1) + (2) : 17.205.002.876 đồng (100%)
- + Chi trả cổ tức (11%/vốn điều lệ) : 11.990.000.000 đồng (69,69%)
- + Quỹ đầu tư phát triển (Thuế TNDN ưu đãi): 470.311.677 đồng (2,73%)
- + Quỹ thưởng Người quản lý : 364.591.354 đồng (2,12%)
- + Quỹ khen thưởng Người lao động : 4.380.099.845 đồng (25,46%)

4) Tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020:

- *Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020:* Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu như: doanh thu nước sạch đạt 737.411 triệu đồng giảm (-0,82%)/KH 2020, tỷ lệ thất thoát nước đạt 13,12% giảm (-1,38%)/KH 2020, lợi nhuận trước thuế đạt 20.799 triệu đồng tăng (+11,79%)/KH 2020, cổ tức dự kiến là 11% tăng (+22,22%)/KH 2020.

- *Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:* Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 9% Vốn điều lệ, với số tiền là 9.810 triệu đồng; trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng người lao động, Quỹ thưởng Người quản lý và lợi nhuận để lại theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- *Thù lao HĐQT và BKS năm 2020:* Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020:* Công ty đã thực hiện theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của ĐHĐCĐ thường

niên 2020 ủy quyền cho HĐQT thương thảo và quyết định hợp đồng mua sỉ nước sạch năm 2020 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV; các mức đơn giá như sau:

- + Đơn giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019: 5.427,84 đồng/m³ (mạng cấp 3)
- + Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2020: 6.027,77 đồng/ m³(mạng cấp 3)
- + Đơn giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020, đối với lượng nước qua mạng cấp 1, 2 bằng 70% giá bán bình quân cho khách hàng.

- *Xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020*: HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

5) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan:

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty về quyền của Đại hội đồng cổ đông trong việc “*quyết định các giao dịch mà Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (nay là khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo tài chính gần nhất được kiểm toán*”, Công ty mua bán sỉ nước sạch từ một nguồn duy nhất là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (SAWACO), với giá trị hợp đồng năm 2020 gần 515 tỷ đồng, bình quân gần 43 tỷ đồng/tháng. Công ty áp dụng giá bán sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020 theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND TP.HCM và Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của SAWACO về ban hành giá nước sạch cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể, đơn vị sản xuất, đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn TP.HCM lộ trình 2019 – 2022.

Thực hiện theo Điều 7, Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020, theo kết quả tổng hợp ý kiến biểu quyết của thành viên HĐQT, với 03/03 phiếu biểu quyết đồng ý, chiếm tỷ lệ 100% (theo Nghị quyết số 34/NQ-CNNB-HĐQT ngày 03/03/2021 về đơn giá mua bán sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020 đối với lượng nước trên mạng cấp 3 giữa Công ty với SAWACO như sau:

- + Đơn giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019: 5.427,84 đồng/m³ (mạng cấp 3)
- + Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2020: 6.027,77 đồng/ m³ (mạng cấp 3)
- + Đơn giá mua sỉ nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020, đối với lượng nước qua mạng cấp 1, 2 bằng 70% giá bán bình quân cho khách hàng.

6) Giám sát công tác quản trị, điều hành:

Nhìn chung, thành viên HĐQT và BGD là những người có kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp; có tâm huyết, trách nhiệm đối với các hoạt động cấp nước; thực hiện nhiệm vụ đúng thẩm quyền, tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 và các nghị quyết của HĐQT Công ty.

a. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, 03 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 10 nghị quyết để chỉ đạo và giao cho BGD thực hiện. Cụ thể:

- HĐQT đã chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 đạt kết quả tốt.
- Đánh giá kế hoạch và báo cáo kết quả tình hình SXKD của từng quý, bán niên và năm 2020; định hướng nhiệm vụ cho quý tiếp theo thông qua các chủ trương về đầu

tư XDCB, mua sắm vật tư, trang thiết bị và phân bổ nguồn lực tài chính, giá mua bán si nước sạch tháng 12/2019 và năm 2020; kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành sản xuất-kinh doanh, thực hiện tốt nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều lệ Công ty; Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và sự phát triển của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với tình hình thực tế, kế hoạch phát triển, đáp ứng được yêu cầu quản trị Công ty, hiệu quả trong việc sử dụng vốn, tài sản và bảo đảm sự tăng trưởng lợi nhuận.

- Trong các phiên họp, HĐQT tham gia (trực tiếp hoặc thông qua người ủy quyền) đầy đủ về số lượng và các thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm và năng lực làm việc của từng thành viên HĐQT. Các quyết định của HĐQT thông qua đều đạt được sự đồng thuận cao của các thành viên.

Nhân xét: BKS nhận thấy các quyết định của HĐQT tại nghị quyết và biên bản họp đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ. BKS chưa phát hiện trường hợp nào thành viên HĐQT có vi phạm các quy định về tính trung thực và xung đột về quyền lợi.

b. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc:

- *Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:* Theo Nghị quyết số 27/NQ-CNNB-HĐQT ngày 10/01/2020 và Nghị quyết số 28/NQ-CNNB-HĐQT ngày 05/03/2020 của HĐQT về việc giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2020, tuy các mặt công tác trong năm chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 kéo dài, nhưng giá nước năm 2020 theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND TP.HCM là điều kiện thuận lợi cho Công ty hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như: duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch; doanh thu tiền nước giảm (-0,82%)/KH 2020; lợi nhuận trước thuế tăng (+11,79%)/KH 2020; tỷ lệ thất thoát nước đạt 13,12% giảm (-1,38%)/KH 2020; tỷ lệ trả cổ tức năm 2020 dự kiến là 11% tăng (+22,22%)/KH 2020.

- *Về công tác tài chính kế toán:* BCTC quý, bán niên, năm được lập đúng thời hạn, đúng quy định về chế độ tài chính-kế toán (theo Luật Kế toán và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện theo Quyết định số 1410/QĐ-KTNN ngày 09/10/2020 của Kiểm toán Nhà nước; theo ý kiến nhận xét của KTNN về kết quả kiểm tra tại đơn vị, với nhận định là BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng, quy định pháp luật có liên quan. Công ty quản lý sử dụng vốn hiệu quả trong kinh doanh, bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước, tài chính doanh nghiệp lành mạnh, an toàn và đúng quy định pháp luật; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; công bố thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ về tình hình tài chính, hoạt động, cơ cấu sở hữu vốn vào việc quản trị Công ty.

- *Về công tác tổ chức nhân sự:* BGD tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng lao động phù hợp với tình hình thực tế Công ty; Quan tâm đến đời sống, vật chất, các chế độ chính sách, tinh thần của CBCNV; thu nhập bình quân của NLĐ tăng +3,17% so với năm 2019. Qua đó, tạo được sự phấn khởi, đồng thuận nhất trí cao trong cán bộ và công nhân viên Công ty.

- *Công tác phối hợp điều hành giữa HĐQT và Ban Giám đốc:* BGD đã chủ động trong việc báo cáo, đề xuất và xin ý kiến HĐQT khi xử lý các vấn đề phát sinh ngoài kế



hoạch trong điều hành SXKD; thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty. Hoàn thành nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty. Mọi quan hệ công tác phối hợp giữa HĐQT và BGD là khá tốt thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc lĩnh vực chuyên môn cấp nước. Các thành viên BGD có năng lực công tác, chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tín nhiệm; nỗ lực điều hành các mặt công tác nhằm mục tiêu tăng trưởng sản lượng nước cung cấp, thực hiện kinh doanh có lãi; qua đó đảm bảo sản xuất-kinh doanh hiệu quả và cổ tức cho cổ đông.

Nhận xét: BGD hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD-Tài chính năm 2020, sử dụng vốn hiệu quả và an toàn trong kinh doanh, tài chính doanh nghiệp lành mạnh; thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và các nghị quyết của HĐQT Công ty.

7) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGD và các cổ đông:

- BKS chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BGD trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện đầy đủ, cẩn trọng các quyền và nghĩa vụ của mình vì lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty.

- BKS tham dự đầy đủ tại các cuộc họp của HĐQT, thường xuyên đóng góp ý kiến kiểm tra, giám sát chuyên môn; ý kiến của BKS đều được HĐQT ghi nhận và cân nhắc trước khi quyết định các vấn đề.

- BKS được cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ quý, bán niên và năm; và được cung cấp đầy đủ biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

- BKS không nhận được yêu cầu hay khiếu nại nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về hoạt động tại Công ty.

8) Kết luận, kiến nghị:

- BKS thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.

- BKS nhất trí với Kế hoạch và giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2021. *Và đề nghị như sau:*

+ Tiếp tục thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo 100% hộ dân được cấp nước sạch, tăng trưởng sản lượng nước cung cấp trên vùng phục vụ cấp nước, thực hiện kinh doanh có lãi và đảm bảo cổ tức cho cổ đông;

+ Phân đầu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, tập trung đẩy mạnh các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, giảm bền vững tỷ lệ thất thoát nước; tiết kiệm chi phí kinh doanh; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh để tăng giá bán bình quân (chỉ số nước, giá biểu, định mức);

+ Bảo đảm tiến độ thực hiện các công tác đầu tư XD CB và nâng cao chất lượng công trình; cần đẩy nhanh công tác quyết toán các công trình, để ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, doanh thu tương ứng với chi phí theo quy định; thực hiện đúng quy định pháp luật trong công tác đấu thầu;

+ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý dòng tiền, tích cực trong việc nhắc nợ, đôn đốc khách hàng thanh toán tiền nước nhằm nâng cao tỷ lệ thực thu tiền nước, thực hiện việc đối chiếu các khoản công nợ kịp thời và đạt tỷ lệ cao hơn năm 2020.

+ Quản lý sử dụng hiệu quả vốn trong kinh doanh; đảm toàn đồng vốn, thực hiện chế độ tài chính doanh nghiệp lành mạnh và đúng quy định pháp luật.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021:

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tác động nhiều đến hoạt động SXKD của Công ty. Với mục tiêu xây dựng đơn vị cấp nước hiện đại, thân thiện với khách hàng, đáp ứng yêu cầu cấp nước tại khu đô thị thông minh; định hướng kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021 như sau:

1. BKS tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, Trưởng BKS tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp chuyên môn của Công ty như: giao ban định kỳ hàng tháng, thi đua, khen thưởng... để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động SXKD nhằm thực hiện tốt việc giám sát công tác quản trị và điều hành của Ban Giám đốc Công ty;

2. Thường xuyên giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty của HĐQT, BGD và các phòng ban chức năng trong Công ty;

3. Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định các báo cáo hoạt động tình hình SXKD, báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2021;

4. Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGD trong quá trình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021;

5. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập và các cơ quan ban ngành khác để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán, kiểm toán trọng yếu đến BCTC;

6. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và BGD;

7. Có ý kiến tư vấn cho HĐQT, BGD về nội dung chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;

8. Nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hiệu lực, nhằm kiến nghị bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, nâng cao hệ thống kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty;

9. Thực hiện chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của HĐQT và cổ đông;

10. Thực hiện các công việc khác thuộc quyền và nghĩa vụ của BKS theo quy định.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (HS. BKS).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN


Võ Thị Cẩm Tú



Số: **0950**/TTr-CNNB-HĐQT Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo kết quả sản xuất - kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện như sau:

- A) Lợi nhuận trước thuế năm 2020 : 20.799.340.781 đồng
- B) Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : 16.340.210.738 đồng
- C) Lợi nhuận năm trước còn lại : 864.792.138 đồng
- D) Tổng lợi nhuận phân phối năm nay (B + C): 17.205.002.876 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỉ lệ (%)
1. Cổ tức (11% Vốn điều lệ)	11.990.000.000	69,69
2. Quỹ Đầu tư phát triển (thuế được giảm)	470.311.677	2,73
3. Quỹ khen thưởng Người lao động	4.380.099.845	25,46
4. Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	364.591.354	2,12
CỘNG	17.205.002.876	100,0

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn An



Số: **0951**/TTr-CNNB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Trên cơ sở kế hoạch tài chính năm 2021 của Công ty,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chế độ tiền lương và mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty năm 2021 như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo Hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
2. Thù lao của các thành viên không chuyên trách là:
 - a) Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
 - b) Kiểm soát viên : 3.500.000 đồng/người/tháng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn An
Nguyễn An



Số: **0952** /TTr-CNNB-HĐQT Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền thương thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè về quyền của Đại hội đồng cổ đông trong việc “*quyết định các giao dịch mà Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo tài chính gần nhất được kiểm toán*”.

Công ty mua bán sỉ nước sạch từ một nguồn duy nhất là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, với giá trị hợp đồng năm 2020 trên 515 tỷ đồng, bình quân gần 43 tỷ đồng/tháng. Công ty tiếp tục áp dụng giá bán lẻ nước sạch năm 2021 và năm 2022 trong lộ trình 2019 – 2022 theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ chí Minh về ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn TP. Hồ chí Minh và Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về ban hành giá nước sạch cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể, đơn vị sản xuất, đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn TP. Hồ chí Minh lộ trình 2019 – 2022. Theo đó, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV sẽ phát hành giá bán sỉ mới đối với lượng nước Công ty mua sỉ theo lộ trình tăng giá nêu trên.

Để việc quản lý và điều hành tại Công ty được thuận lợi và thực hiện phương thức như những năm qua, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV trong năm tài khóa hiện hành và cho đến kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Signature)
Nguyễn An



TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế Quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Xem xét các tiêu chí phổ biến để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập; gồm (i) là đơn vị kiểm toán có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định; (ii) đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, đủ tiêu chuẩn, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính; (iii) mức phí kiểm toán hợp lý; nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo đúng yêu cầu của Công ty.

Ban Kiểm soát đề nghị danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập có thể lựa chọn thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính Công ty cho năm 2021 là:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán AFC Việt Nam - Tầng 2 tòa nhà Indochina, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Lầu 5, Số 146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hãng Kiểm toán (AASC) - Lầu 3 tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, căn cứ vào các tiêu chí nêu trên và quy định pháp luật có liên quan để lựa chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán được Ban Kiểm soát đề xuất nêu trên để thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính và các mục đích kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn An



Số: **0954** /TTr-CNNB-HĐQT Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung
thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ (2017 – 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè nhiệm kỳ (2017 – 2022) gồm 7 thành viên, được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và bầu bổ sung năm 2020, như sau:

1. Nguyễn An - CT. Hội đồng quản trị	<i>Đại diện của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, nắm giữ 53,44% Vốn Điều lệ Công ty</i>
2. Lý Thành Tài - Giám đốc	
3. Bùi Thanh Giang - Thành viên	
4. Lý Bửu Nghĩa - Thành viên	
5. Nguyễn Ngọc Thái Bình - Thành viên	<i>Đại diện của cổ đông Công ty cổ phần Cơ điện lạnh, nắm giữ 20,02% Vốn Điều lệ Công ty</i>
6. Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên	
7. Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên	<i>Đại diện của cổ đông Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á, nắm giữ 10% Vốn Điều lệ.</i>

Theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - gọi tắt là Điều lệ Công ty (Điều 27: *Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT*), trong khoảng thời gian giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, nếu phát sinh trường hợp khuyết thành viên, HĐQT có thể xem xét bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để tiếp tục hoạt động.

Bằng Công văn số 126/CĐL.2020 ngày 07/8/2020, cổ đông Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh đề nghị ông Lục Chánh Trường thay thế ông Nguyễn Ngọc Thái Bình vào vị trí là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022. Căn cứ Điều lệ Công ty (Điều 11: *Quyền của cổ đông*, Điều 25: *Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT*), ngày 28/8/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Ngọc Thái Bình, và bổ

nhiệm ông Lục Chánh Trường tạm thời làm thành viên HĐQT Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017 – 2022 (Nghị quyết số 32/NQ-CNNB-HĐQT ngày 28/8/2020 của Hội đồng quản trị Công ty).

Theo Điều lệ Công ty (Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, và Điều 27: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT), việc miễn nhiệm thành viên HĐQT thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; và thành viên HĐQT do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tạm thời phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Ngọc Thái Bình và bầu bổ sung ông Lục Chánh Trường làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022 kể từ ngày 28/8/2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV HĐQT).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn An



Số: **0955** /TTr-CNNB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè hiện hành (gọi tắt là Điều lệ Công ty) được sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 thông qua.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán năm 2019 ngày 26/11/2019 đã có hiệu lực và thay thế cho 02 văn bản luật nêu trên. Theo đó, để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung và trình thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm nay.

Theo Luật Doanh nghiệp 2020, dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty tiếp tục nâng cao trách nhiệm của người quản lý công ty cổ phần, bảo vệ quyền của cổ đông phổ thông, bảo đảm tính minh bạch, lợi ích của tất cả cổ đông. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần này được thực hiện tại 27/58 điều và bổ sung thêm 01 điều. Nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu về thủ tục làm việc, công tác tổ chức Đại hội; không thay đổi nội dung về cơ cấu tổ chức, cơ cấu vốn của cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, xem xét và sẽ đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cho phù hợp với Điều lệ Công ty đã sửa đổi, bổ sung và qui định pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty (kèm theo Bảng đối chiếu nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn An

BẢNG ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Kèm theo Tờ trình số **955** /TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021
Về dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p>	Thay đổi tham chiếu
	<p>f. "Người quản lý" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán Trưởng Công ty.</p>	Theo khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
	<p>g. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p>	Theo khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại K9 Đ6 Luật chứng khoán.</p>	<p>k. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	K18 Đ4 Luật Chứng khoán
<p>Điều 2. Tên, hình thức,...</p> <p>3...</p> <p>Điện thoại : (028) 5412 2499</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức,...</p> <p>3...</p> <p>Điện thoại : 1900 1210 và 028.54122499</p>	Tham chiếu theo thực tế
<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với Điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị cấp lại chứng nhận cổ phiếu với Điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.</p>	Theo khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020 (Viết tắt là Theo K3 Đ121 LDN)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
	5.Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.	Theo K4 Đ122 LDN
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần ... 2.Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty. 3.Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. 4.Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty. 5.Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.	Theo K3, 4, 5 và 6 Đ127 LDN
Điều 11. Quyền của cổ đông 1. ...	Điều 11. Quyền của cổ đông 1. ... c. Cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác có các quyền theo quy định pháp luật.	Chuyển từ đoạn cuối của K2 Điều này
2. ... a. Tham dự và... hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; ...	2. ... a. Tham dự và... hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;</u> ...	Theo điểm a K1 Đ115 LDN
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông <u>có quyền biểu quyết</u> và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác của mình;	Theo điểm e K1 Đ115 LDN
Cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác có các quyền theo quy định pháp luật.		Chuyển sang điểm c K1 Điều này
3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Theo K2, 5 Đ115 LDN
	d. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	Theo điểm a K2 Đ115 LDN
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
	<p>...</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>...</p>	Theo K2 Đ119 LDN
	<p>6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	Theo K5 Đ119 LDN
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.</p>	Theo K1 Đ138 LDN
<p>ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây</p> <p>e. Quyết định các giao dịch mà Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây</p> <p>e. Quyết định các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp giữa Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc của Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	Theo K3 Đ167 LDN
	<p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>...</p>	Theo điểm k, l và m K2 Đ138 LDN
<p>3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua:</p> <p>...</p> <p>c. Báo cáo của HĐQT;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần;</p>	<p>3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua:</p> <p>...</p> <p>c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p>	Theo điểm c, d và đ K3 Đ139 LDN
<p>Đ14. Triệu tập họp ĐHĐCĐ</p>	<p>Đ14. Triệu tập họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	Theo K1 Đ139 LDN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
	2. Ngoài cuộc họp thường niên, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể họp bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều này.	
ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	3. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Trường hợp cần thiết có thể được gia hạn theo quyết định của HĐQT</u> , nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Theo K2 Đ139 LDN
4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường a... hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 3 Điều này;	4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường a ... hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm d và điểm e khoản 5 Điều này</u> . <u>Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</u>	Theo khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
b..., Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	b..., Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định <u>khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u> . <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</u>	Theo khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ 2. a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; ...	Điều 17. Chương trình và thông báo họp ĐHĐCĐ 2. a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, <u>danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ</u> ; ...	Theo K1 Đ141 LDN
3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ...	3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <u>hai mươi một (21)</u> ngày trước ngày họp ...	Theo K1 Đ143 LDN
	6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.	Theo K4 Đ142 LDN
7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến K5 Đ này trong các trường hợp sau: a...	7. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại K5 Đ này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:	K3 Đ142 LDN
b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại K0 Đ11 Đ lệ này;	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại K3 Đ11 Đ lệ này;	Theo K2 Đ144 và K2 Đ115 LDN
	8. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u> , Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán	Theo K4 Đ273 ND 155/2020 (được nêu tại K12 Đ19, Điều

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
	được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.	lệ hiện hành)
<p>Điều 18. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. ...</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 18. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p> <p>1 ...</p> <p>2. Trường hợp không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Theo K2 Đ145 LDN
<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ...</p>	<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ...</p>	Theo K3 Đ145 LDN
<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</p> <p>...</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</p> <p>...</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật DN khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.</p>	Chuyên từ K4 Đ13 thành K3 Điều này
<p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p>	Bỏ một đoạn ở khoản này vì đã có ở K1 Đ14.
<p>12. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu</p>		Chuyên về khoản 9 Điều 17
<p>13. Chỉ có ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo</p>	<p>13. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và</p>	Chuyên về từ K5

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
<p>thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</p>	<p>biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Chỉ có ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 14 Đệ hiện hành</p>
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>...</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>...</p> <p>5. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty</p>	<p>K5 Đ148 LDN</p>
<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty.</p>	<p>Điểm g K3 Đ149 LDN</p>
<p>5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành nếu Trưởng Ban kiểm soát có văn bản từ chối tham dự. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Trưởng Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành nếu Trưởng Ban kiểm soát có văn bản từ chối tham dự năm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p>	<p>Điểm e K4 Đ149 LDN</p>
<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT</p>	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT</p>	<p>Theo K2 và 5 Đ115 LDN</p>
<p>Điều 25. Tiêu chuẩn và Điều kiện của thành viên HĐQT</p> <p>3. Thành viên HĐQT Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty đại chúng khác.</p>	<p>Điều 25. Tiêu chuẩn và Điều kiện của thành viên HĐQT</p> <p>3. Thành viên HĐQT Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác.</p>	<p>Theo K3 Đ275 Nghị định 155/2020</p>
<p>4. Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p>	<p>4. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p>	<p>Theo điểm d K1 Đ155 LDN</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p>	<p>Theo K2 Đ154 LDN</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u>	
	3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc	Theo K3 Đ154 LDN
Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT 1... a. Thành viên đó không đủ tr-cách làm thành viên HĐQT theo quy định ...	Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT 1... a. Thành viên đó không đủ <u>tiêu chuẩn</u> làm thành viên HĐQT theo quy định ...	Theo K1 Đ160 LDN
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT... q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ...	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT... o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, <u>giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản...</u>	Theo điểm h K2 Đ153 LDN
s. ... Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định pháp luật về quản trị Công ty	q. ... Quy chế không được trái với các nguyên tắc và quy định pháp luật về quản trị Công ty <u>và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</u>	
	5. <u>Để phục vụ hiệu quả nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT có quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>	Chuyển đoạn cuối của K3 thành khoản này
	6. Khi xét <u>thấy cần thiết</u> , HĐQT quyết định <u>bỏ nhiệm</u> thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;</u> b. <u>Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u> c. <u>Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</u> d. <u>Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u> e. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT.</u>	Theo K5 Đ156 LDN
Điều 30. Chủ tịch HĐQT 4. ... Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.	Điều 30. Chủ tịch HĐQT 4. ... Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT <u>chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u> thì các thành viên còn lại bầu một	Theo K4 Đ156 LDN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
	người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số <u>thành viên còn lại tán thành</u> cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	
<p>Điều 31. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>...</p> <p>7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm(05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp...</p>	<p>Điều 31. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>...</p> <p>7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất <u>ba (03)</u> ngày làm việc trước khi tổ chức họp...</p>	K6 Đ157 LDN
<p>17. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát tham gia cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản.</p>		Chuyển khoản này sang Đ32
	<p>Điều 32Bis. Biên bản họp HĐQT</p> <p>1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, các thành viên HĐQT dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.</p>	Theo Đ158 LDN
<p>17. ... Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01)</p>	<p>2. Biên bản họp HĐQT phải có chữ ký theo quy định tại điểm i K1 Đ này. <u>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.</u></p>	K3 Đ158 LDN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát tham gia cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản.	3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	K2 Đ158 LDN
	4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	Theo K4 Đ158 LDN
<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>...</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc:</p> <p>c. Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.</p>	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>...</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc:</p> <p>c. Không được là <u>người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ</u></p>	Theo điểm b K5 Đ162 LDN
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, Điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều và Quy chế quản trị nội bộ công ty	3. Nhiệm kỳ của Giám đốc <u>không quá năm (05) năm</u> và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.	Bỏ bớt vì đã có tại điểm a K2 Điều này
5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các cơ quan này theo định kỳ, bất thường hoặc khi được yêu cầu.	5. <u>Giám đốc là người Đành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u> chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Theo K2 Đ162 LDN
<p>Điều 36. Ứng cử và đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 37. Ứng cử và đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát</p>	Theo K5 Đ115 LDN
<p>Điều 37. Ban kiểm soát và Kiểm soát viên</p> <p>3...</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc, người Đành và người quản lý khác;</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát và Kiểm soát viên</p> <p>2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	Theo K3 Đ168 LDN
<p>3...</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc, người Đành và người quản lý khác;</p>	<p>3...</p> <p>b. Không phải là <u>người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại</u></p>	Theo điểm c K1 và K2 Đ169 LDN



ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ
	<u>diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.</u>	
c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;	c. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;	Theo điểm d K1 Đ169 LDN
f. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.	f. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về <u>kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u>	Theo điểm b K1 Đ169 LDN
g. Trưởng Ban kiểm soát phải là <u>kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u>	g. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành <u>kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</u>	Theo K2 Đ168 LDN
	h. Tiêu chuẩn và Điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan	Theo điểm đ K1 Đ169 LDN
Điều 38. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát 1.... d.; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 1... d.; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ	K3 Đ170 LDN
Điều 52. Con dấu	Điều 53. Dấu của Công ty 1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. ... 4. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định về quản trị nội bộ Công ty.	Theo K1 Đ43 LDN
Điều 58. Ngày hiệu lực 1... 2. Đã được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; e. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	Điều 59. Hiệu lực thi hành 1... 2. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè được ĐHĐCĐ Công ty thông qua và ban hành lần đầu vào năm 2006; được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất vào năm 2010; lần thứ hai vào năm 2013; lần thứ ba vào năm 2016; lần thứ tư vào năm 2018; và lần thứ năm này vào năm 2021. 3. Điều lệ này được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-CNNB-ĐHĐCĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè,

Ngày 15/4/2021, tại trụ sở Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã tiến hành phiên họp thường niên năm 2021 gồm các nội dung sau: ⁽¹⁾Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 (kèm Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán) và Phương hướng hoạt động năm 2021, ⁽²⁾Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021, ⁽³⁾Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021, ⁽⁴⁾Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, ⁽⁵⁾Trình chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021, ⁽⁶⁾Trình ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch, ⁽⁷⁾Trình ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, ⁽⁸⁾Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022, ⁽⁹⁾Trình dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Theo kết quả biểu quyết của cổ đông tại Đại hội,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ Quyết nghị:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 theo Báo cáo số 947/BC-CNNB-KHVTTH ngày 25/3/2021 của Giám đốc Công ty (kèm Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán), với kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020 như sau: sản lượng nước 72.008 ngàn m³ (97,97% KH), tổng doanh thu 751.382 triệu đồng (99,67% KH), lợi nhuận trước thuế 20.799 triệu đồng [*Phụ đính: Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020*].

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị, theo Báo cáo số 948/BC-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát, theo Báo cáo số 949/BC-CNNB-BKS ngày 25/3/2021 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 4. Thông qua các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2021 như sau: sản lượng nước 73.600 ngàn m³ (tăng 2,21% so với thực hiện năm 2020), tổng doanh thu 797.946 triệu đồng (tăng 6,20% so với TH năm 2020), lợi nhuận trước thuế 22.003 triệu đồng (tăng 5,79% so với TH năm 2020).

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số 950/TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021 của Hội đồng quản trị như sau:

1/ Cổ tức (11% vốn điều lệ)	:	11.990.000.000 đồng	(69,69%)
2/ Quỹ Đầu tư phát triển (<i>giảm thuế</i>)	:	470.311.677 đồng	(2,73%)
3/ Quỹ khen thưởng người lao động	:	4.380.099.845 đồng	(25,46%)
4/ Quỹ thưởng Người quản lý	:	364.591.354 đồng	(2,12%)
Tổng cộng	:	17.205.002.876 đồng	(100%)

Điều 6. Thông qua chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 theo Tờ trình số 951/TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021 của Hội đồng quản trị như sau:

1) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

2) Thù lao của các thành viên không chuyên trách là: đối với thành viên HĐQT: 7.000.000 đồng/người/tháng; đối với Kiểm soát viên: 3.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV năm tài khóa hiện hành cho đến kỳ Đại hội thường niên năm 2022, theo Tờ trình số 952/TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị để thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính và các mục đích khác (nếu có) trong năm tài khóa 2021 theo Tờ trình số 953/TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty, là một trong các đơn vị sau:

1) Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tầng 2 tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

2) Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Lầu 5, Số 146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

3) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) - Lầu 3 tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 9. Xem xét đề nghị của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại Tờ trình số 954/TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021, Đại hội đồng cổ đông:

1) Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Thái Bình kể từ ngày 28/8/2020.

2) Bầu bổ sung ông Lục Chánh Trường làm thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 28/8/2020 cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017 - 2022.

Điều 10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo Tờ trình số 955/TTr-CNNB-HĐQT ngày 25/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành Điều lệ Công ty; giao Hội đồng quản trị tiếp tục rà soát và dự thảo sửa đổi các quy chế nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét tại kỳ họp tiếp theo.

Điều 11. Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TV. HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Giám đốc Cty;
- Lưu (CV. HĐQT).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn An

PHỤ ĐÍNH: KẾT QUẢ SẢN XUẤT-KINH DOANH-TÀI CHÍNH NĂM 2020

(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè)

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH2020/ KH2020
A) SẢN XUẤT - KINH DOANH				
1. Sản lượng nước tiêu thụ (1.000m ³)	70.919	73.500	72.008	97,97%
2. Gắn mới ĐHN (cái)	4.339	3.000	3.597	119,90%
3. Thay ĐHN nhỏ (cái)	20.095	24.000	24.170	100,71%
4. Thay ĐHN lớn (cái)	86	153	55	35,95%
5. Tỷ lệ thất thoát nước (%)	13,08	14,50	13,12	-1,38%
B) ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (triệu đồng)				
1. Phát triển mạng lưới	6.929	9.064	2.877	31,74%
2. Sửa chữa ống mục	10.526	25.340	16.126	63,64%
3. Hàm đồng hồ tổng	1.540	2.692	754	28,01%
C) MUA SẮM THIẾT BỊ (triệu đồng)				
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước năm 2020	-	6.200	3.998	64,48%
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	-	3.700	1.096	29,61%
3. Trang bị phương tiện phục vụ nhu cầu quản lý mạng lưới và phục vụ công tác cho công ty	-	1.200	995	82,92%
4. Bảo trì, bảo dưỡng thay mới các thiết bị phục vụ sản xuất nước đóng chai sawanew	-	800	789	98,58%
5. Sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, nhà vệ sinh công trình nội bộ	-	3.000	1.643	54,76%
D) TÀI CHÍNH (triệu đồng)				
1. Tổng doanh thu	666.949	753.845	751.382	99,67%
2. Tổng chi phí	648.976	735.239	730.583	99,37%
3. Lợi nhuận trước thuế	17.973	18.606	20.799	111,79%

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Mã vạch

PHIẾU BIỂU QUYẾT

A. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Mã số cổ đông : ... A (text, 3) - Họ và tên : ... B (text, 50) | <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần sở hữu : ... X (number) - Số cổ phần đại diện : ... Y (number) - Tổng số phiếu biểu quyết : ... Z = X + Y |
|---|---|

B. NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

C. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT

	C. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT		
	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
1. Báo cáo kết quả sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2020			
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020			
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020			
4. Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2021			
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020			
6. Thù lao thành viên HĐQT và Kiểm soát viên năm 2021			
7. Ủy quyền thương thảo hợp đồng mua-bán sỉ năm 2021			
8. Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán BC tài chính 2021			
9. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ TC và HD Công ty			

GHI CHÚ:

- Quý cổ đông lựa chọn **một trong hai ý kiến** “**ĐỒNG Ý**” hay “**KHÔNG ĐỒNG Ý**”:
- Nếu **ĐỒNG Ý** với chỉ tiêu biểu quyết nào thì đánh dấu “X” vào ô “**Đồng ý**” của chỉ tiêu đó;
 - Nếu **KHÔNG ĐỒNG Ý** với chỉ tiêu biểu quyết nào thì đánh dấu “X” vào ô “**Không đồng ý**” của chỉ tiêu đó.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2017 – 2022
(Bổ sung)**

A) THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:

- Số cổ phần sở hữu : ... **X (number)**
- Mã số cổ đông : **T₁ (text, 3)**
- Số cổ phần đại diện : ... **Y (number)**
- Họ và tên : **T₂ (text, 50)**
- Số cổ phần có quyền biểu quyết: ... **Z = X+Y**
- Tổng số phiếu biểu quyết : ... **Z x 1**

B) SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 – 2022
CẦN BẦU BỔ SUNG LÀ: **01** NGƯỜI

Họ tên ứng cử viên Năm sinh	Chức vụ và nơi làm việc	Ý kiến biểu quyết (đánh dấu x vào ô chọn)	
		Đồng ý	Không đồng ý
LỤC CHÁNH TRƯỞNG 1973	Giám đốc Phân tích Đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ điện lạnh		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè theo Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304789298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An	Chủ tịch	
Ông Lý Thành Tài	Thành viên	
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2020
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lý Thành Tài	Giám đốc
Ông Dương Văn Hòa	Phó Giám đốc
Ông Phạm Chí Thiện	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng ban
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Thanh Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Số: 190321.004 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè được lập ngày 19 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.303.191.081	64.705.437.177
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	62.293.732.943	23.972.454.503
111	1. Tiền		42.293.732.943	19.972.454.503
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	4.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.466.285.542	15.211.059.013
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	16.367.325.085	15.093.150.981
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	256.509.499	1.210.682.180
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	842.450.958	1.503.429.096
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(2.596.203.244)
140	IV. Hàng tồn kho		11.765.071.949	14.072.049.858
141	1. Hàng tồn kho	09	11.765.071.949	14.072.049.858
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.778.100.647	1.449.873.803
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.447.938.024	1.014.029.062
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		159.375.405	435.844.741
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	170.787.218	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		170.672.436.213	181.987.801.650
220	II. Tài sản cố định		155.877.188.714	162.973.070.162
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	153.919.021.179	161.432.658.705
222	- Nguyên giá		425.155.615.662	403.304.231.252
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(271.236.594.483)	(241.871.572.547)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.958.167.535	1.540.411.457
228	- Nguyên giá		9.198.376.580	8.175.876.580
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.240.209.045)	(6.635.465.123)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.083.998.705	1.681.062.622
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.083.998.705	1.681.062.622
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.711.248.794	17.333.668.866
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.276.191.112	15.670.071.051
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	3.435.057.682	1.663.597.815
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		273.975.627.294	246.693.238.827

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		106.659.346.594	81.835.961.972
310	I. Nợ ngắn hạn		106.036.730.394	81.193.345.772
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	80.670.336.101	56.453.775.655
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	951.849.003	1.348.975.465
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.297.464.332	11.238.757.875
314	4. Phải trả người lao động		12.592.543.320	7.442.792.219
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.299.127.589	2.346.664.894
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.073.498.734	2.362.379.664
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		151.911.315	-
330	II. Nợ dài hạn		622.616.200	642.616.200
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	622.616.200	642.616.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		167.316.280.700	164.857.276.855
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	167.316.280.700	164.857.276.855
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		109.000.000.000	109.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		109.000.000.000	109.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		431.588.293	431.588.293
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		40.679.689.531	40.171.308.306
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.205.002.876	15.254.380.256
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		864.792.138	1.684.535.512
421b	LNST chưa phân phối năm nay		16.340.210.738	13.569.844.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>273.975.627.294</u>	<u>246.693.238.827</u>

Võ Thị Kim Loan
Người lập

Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng

Lý Thành Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	749.332.636.300	665.003.499.231
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		749.332.636.300	665.003.499.231
11	4. Giá vốn hàng bán	22	522.656.245.200	443.111.068.397
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		226.676.391.100	221.892.430.834
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.642.164.376	865.175.962
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	139.528.800.067	132.935.718.426
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	68.250.639.459	72.164.174.289
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.539.115.950	17.657.714.081
31	11. Thu nhập khác	26	407.355.507	1.079.932.505
32	12. Chi phí khác	27	147.130.676	764.705.257
40	13. Lợi nhuận khác		260.224.831	315.227.248
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.799.340.781	17.972.941.329
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	6.230.589.910	5.723.622.950
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	(1.771.459.867)	(1.320.526.365)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.340.210.738	13.569.844.744
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.499	1.245



Võ Thị Kim Loan
Người lập



Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng



Lý Thành Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.799.340.781	17.972.941.329
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.319.043.191	31.720.294.809
03	- Các khoản dự phòng		246.634.836	142.222.962
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.642.164.376)	(867.903.235)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.722.854.432	48.967.555.865
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.390.069.658)	2.039.263.021
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.306.977.909	(2.416.061.006)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26.298.993.678	(2.044.668.414)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.959.970.977	8.423.283.549
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.899.232.686)	(4.958.720.706)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.919.295.578)	(3.491.131.893)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.080.199.074	46.519.520.416
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(29.626.097.826)	(34.786.631.834)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.636.054.787	1.244.436.236
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.990.043.039)	(33.539.468.325)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.768.877.595)	(8.707.024.140)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(9.768.877.595)</i>	<i>(8.707.024.140)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		38.321.278.440	4.273.027.951
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.972.454.503	19.699.426.552
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>62.293.732.943</u>	<u>23.972.454.503</u>



Võ Thị Kim Loan
Người lập



Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng

Lý Thành Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè theo Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304789298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 109.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 109.000.000.000 đồng; tương đương 10.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 391 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 390 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất nước tinh khiết.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ giám sát, khảo sát công trình);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Lập dự án, thẩm tra thiết kế. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Bán buôn, bán lẻ nước tinh khiết, vật tư, thiết bị ngành nước, thiết bị lọc nước.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã áp dụng cách tính giá nước sạch mới theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 về giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019-2022, đồng thời giá mua si nước sạch đầu vào cũng có điều chỉnh tăng đáng kể dẫn đến các khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải trả người bán ngắn hạn tăng đáng kể so với năm trước và đầu năm.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm, dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền giao lưu hợp mặt cuối năm, chi phí điện thoại,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động khai thác trên hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp: Từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 10% trong thời hạn 13 năm còn lại từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm (từ năm 2009 đến năm 2017).

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Đối với thu nhập được ưu đãi thuế: Công ty áp dụng mức thuế suất 10%.

Đối với thu nhập thuộc hoạt động tài chính, thu nhập khác: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch và diễn ra chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	165.174.844	151.149.067
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.128.558.099	19.821.305.436
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	4.000.000.000
	62.293.732.943	23.972.454.503

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Bắc Hải với lãi suất 6,5%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Khách hàng sử dụng nước sạch	14.961.015.991	-	13.659.353.205	(2.401.704.264)
- Khách hàng sử dụng dịch vụ nước sạch (thay gắn đồng hồ nước, sửa chữa...)	819.851.436	-	886.836.141	-
- Khách hàng thuê văn phòng	8.552.346	-	62.373.641	-
- Khách hàng nước Sawanew	552.243.600	-	470.518.600	-
- Phải thu các khách hàng khác	25.661.712	-	14.069.394	-
	16.367.325.085	-	15.093.150.981	(2.401.704.264)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 34)</i>	322.508.592	-	196.960.592	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Kiến Gia	91.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Hoàng Minh	54.450.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Sáng Tân Hàng An	46.303.400	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	64.756.099	-	1.210.682.180	(194.498.980)
	256.509.499	-	1.210.682.180	(194.498.980)

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	298.767.123	-	292.657.534	-
Tạm ứng	230.000.000	-	175.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	232.000.000	-	150.000.000	-
Các khoản phải thu Bảo hiểm xã hội	-	-	877.381.754	-
Phải thu khác	81.683.835	-	8.389.808	-
	842.450.958	-	1.503.429.096	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Doanh nghiệp	-	-	194.498.980	-
- Công ty TNHH Cơ khí Đức hợp kim Thịnh Hưng	-	-	101.442.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Mạnh Đức	-	-	60.883.300	-
- Công ty Cổ phần Gia Phát Hải Phòng	-	-	32.173.680	-
Khách lẻ	-	-	2.524.188.045	122.483.781
- Năm 2010	-	-	45.114.315	-
- Năm 2011	-	-	66.350.025	-
- Năm 2012	-	-	134.600.445	-
- Năm 2013	-	-	219.919.980	-
- Năm 2014	-	-	714.693.315	-
- Năm 2015	-	-	611.619.120	-
- Năm 2016	-	-	323.611.575	-
- Năm 2017	-	-	408.279.270	122.483.781
	-	-	2.718.687.025	122.483.781

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.485.052.434	-	12.407.630.042	-
Công cụ, dụng cụ	72.210.692	-	48.010.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.162.585.145	-	1.579.349.199	-
Thành phẩm	45.223.678	-	37.059.925	-
	11.765.071.949	-	14.072.049.858	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	3.560.184.929	1.158.675.174
- Phát triển mạng lưới cấp nước ⁽¹⁾	3.560.184.929	777.681.574
- Công tác giám nước không doanh thu	-	380.993.600
Sửa chữa lớn	2.523.813.776	522.387.448
- Di dời hệ thống cấp nước, xử lý giao cắt ⁽²⁾	329.246.992	329.246.992
- Thay đai xám và ống nhánh	137.984.330	193.140.456
- Chi phí sửa chữa ống mục ⁽³⁾	2.056.582.454	-
	6.083.998.705	1.681.062.622

⁽¹⁾ Công trình phát triển mạng lưới cấp nước bao gồm các dự án như sau:

^(1.1) Dự án phát triển mạng lưới cấp nước đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè

- Tên dự án: Dự án phát triển mạng lưới cấp nước đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè (từ khu dân cư Thái Sơn đến nhà hàng Tháp Ngà);

- Địa điểm xây dựng: Đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè (từ khu dân cư Thái Sơn đến nhà hàng Tháp Ngà);

- Mục đích xây dựng: Phục vụ công tác dẫn nước sinh hoạt từ Công ty đến các hộ dân và doanh nghiệp;

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty;

- Tổng mức đầu tư: 4.292.505.552 VND;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: bắt đầu triển khai từ ngày 21/05/2020 và thời gian thực hiện tùy theo tiến độ thi công;

- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án đang thực hiện và đã hoàn thành 50% khối lượng thi công.

^(1.2) Dự án lắp đặt ống cấp nước qua cầu Phước Lộc, đường Đào Sư Tích, huyện Nhà Bè

- Tên dự án: Dự án lắp đặt ống cấp nước qua cầu Phước Lộc, đường Đào Sư Tích, huyện Nhà Bè;

- Địa điểm xây dựng: Cầu Phước Lộc, đường Đào Sư Tích, huyện Nhà Bè;

- Mục đích xây dựng: Phục vụ công tác dẫn nước sinh hoạt từ Công ty đến các hộ dân và doanh nghiệp;

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty;

- Tổng mức đầu tư: 1.124.449.890 VND;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: bắt đầu triển khai từ ngày 28/09/2020 và thời gian thực hiện tùy theo tiến độ thi công;

- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án đang thực hiện và đã hoàn thành 93,8% khối lượng thi công.

⁽²⁾ Đây là các dự án di dời hệ thống ống cấp nước phục vụ các công trình nâng cấp đường và công trình xây dựng.

⁽³⁾ Chi phí sửa chữa ống mực bao gồm các công trình như sau:

^(3.1) Công trình cải tạo mạng lưới cấp nước hẻm 502 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, quận 7

- Tên công trình: *Cải tạo mạng lưới cấp nước hẻm 502 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, quận 7;*
- Địa điểm cải tạo: *Hẻm 502 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, quận 7;*
- Mục đích cải tạo: *thay thế các đường ống nước cũ bằng các đường ống nước mới nhằm duy trì công tác cấp nước cho các hộ dân và doanh nghiệp;*
- Chủ đầu tư: *Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;*
- Nguồn vốn đầu tư: *Nguồn vốn tự có của Công ty;*
- Tổng chi phí cải tạo: *2.348.116.206 VND;*
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: *bắt đầu triển khai từ ngày 19/11/2020 và thời gian thực hiện tùy theo tiến độ thi công;*
- Tình trạng công trình cải tạo tại thời điểm 31/12/2020: *Công trình cải tạo vẫn đang thực hiện và đã hoàn thành khoảng 55% khối lượng thi công.*

^(3.2) Công trình cải tạo mạng lưới cấp nước đường số 10, 12, 25, 27, phường Tân Quy, quận 7

- Tên công trình: *Cải tạo mạng lưới cấp nước đường số 10, 12, 25, 27, phường Tân Quy, quận 7;*
- Địa điểm cải tạo: *Đường số 10, 12, 25, 27, phường Tân Quy, quận 7;*
- Mục đích cải tạo: *thay thế các đường ống nước cũ bằng các đường ống nước mới nhằm duy trì công tác cấp nước cho các hộ dân và doanh nghiệp;*
- Chủ đầu tư: *Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;*
- Nguồn vốn đầu tư: *Nguồn vốn tự có của Công ty;*
- Tổng chi phí cải tạo: *1.214.519.745 VND;*
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: *bắt đầu triển khai từ tháng 11/2020 và thời gian thực hiện tùy theo tiến độ thi công;*
- Tình trạng công trình cải tạo tại thời điểm 31/12/2020: *Công trình cải tạo vẫn đang thực hiện và đã hoàn thành khoảng 55% khối lượng thi công.*

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.521.530.209	31.280.288.296	338.310.691.524	5.928.097.223	263.624.000	403.304.231.252
- Mua trong năm	-	5.210.629.850	-	197.240.000	-	5.407.869.850
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	18.792.791.893	-	-	18.792.791.893
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.349.277.333)	-	-	(2.349.277.333)
Số dư cuối năm	27.521.530.209	36.490.918.146	354.754.206.084	6.125.337.223	263.624.000	425.155.615.662
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.780.512.359	17.850.412.702	206.576.611.875	3.400.411.611	263.624.000	241.871.572.547
- Khấu hao trong năm	1.210.648.224	4.583.598.820	25.165.456.806	754.595.419	-	31.714.299.269
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.349.277.333)	-	-	(2.349.277.333)
Số dư cuối năm	14.991.160.583	22.434.011.522	229.392.791.348	4.155.007.030	263.624.000	271.236.594.483
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	13.741.017.850	13.429.875.594	131.734.079.649	2.527.685.612	-	161.432.658.705
Tại ngày cuối năm	12.530.369.626	14.056.906.624	125.361.414.736	1.970.330.193	-	153.919.021.179

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 118.677.692.979 VND

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2020, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 9.198.376.580 VND và 7.240.209.045 VND. Chi phí khấu hao phát sinh trong năm là 604.743.922 VND.

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.808.036.580 VND.



13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	116.797.912	6.004.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.331.140.112	1.008.025.062
	<u>1.447.938.024</u>	<u>1.014.029.062</u>
b) Dài hạn		
Chi phí gắn đồng hồ nước	2.713.201.159	13.651.077.276
Chi phí sửa chữa TSCĐ	120.533.278	328.237.458
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.442.456.675	1.690.756.317
	<u>5.276.191.112</u>	<u>15.670.071.051</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	69.719.083.554	69.719.083.554	43.086.612.082	43.086.612.082
- Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	1.875.232.533	1.875.232.533	578.727.001	578.727.001
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tín Hưng	1.739.243.984	1.739.243.984	1.575.673.201	1.575.673.201
- Phải trả các đối tượng khác	7.336.776.030	7.336.776.030	11.212.763.371	11.212.763.371
	<u>80.670.336.101</u>	<u>80.670.336.101</u>	<u>56.453.775.655</u>	<u>56.453.775.655</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	<u>69.719.083.554</u>	<u>69.719.083.554</u>	<u>43.086.612.082</u>	<u>43.086.612.082</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 34)</i>				

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trả trước dịch vụ đồng hồ nước	878.215.857	1.311.471.029
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	73.633.146	37.504.436
	<u>951.849.003</u>	<u>1.348.975.465</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	40.244.217	4.573.469.809	4.613.714.026	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.358.764.535	6.230.589.910	7.899.232.686	-	1.690.121.759
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.167.139.791	1.381.576.826	2.719.503.835	170.787.218	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.284.757.336	4.456.972.646	5.741.729.982	-	-
Các loại thuế khác	-	52.416.875	84.917.181	137.334.056	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.335.435.121	65.531.761.805	65.259.854.353	-	5.607.342.573
	-	11.238.757.875	82.259.288.177	86.371.368.938	170.787.218	7.297.464.332

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trích trước tiền chi hội nghị	1.173.000.000	1.170.000.000
- Trích trước tiền điện thoại	24.966.566	26.304.190
- Chi phí phải trả khác	101.161.023	1.150.360.704
	1.299.127.589	2.346.664.894

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	242.381.909	78.823.105
- Phải trả về cổ phần hoá	11.204.668	343.204.668
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.196.472.000	771.022.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	829.342.480	788.220.075
- Phải trả kinh phí Đảng	40.500.027	47.802.166
- Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	66.803.995	66.803.995
- Phải trả các khoản bảo hiểm	327.972.927	-
- Phải trả công nhân viên	-	38.459.430
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.820.728	228.044.225
	<u>3.073.498.734</u>	<u>2.362.379.664</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	622.616.200	642.616.200
	<u>622.616.200</u>	<u>642.616.200</u>

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	109.000.000.000	431.588.293	39.812.913.043	14.192.796.075	163.437.297.411
Lãi trong năm trước	-	-	-	13.569.844.744	13.569.844.744
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	358.395.263	(358.395.263)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(3.429.865.300)	(3.429.865.300)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(8.720.000.000)	(8.720.000.000)
Số dư cuối năm trước	109.000.000.000	431.588.293	40.171.308.306	15.254.380.256	164.857.276.855
Số dư đầu năm nay	109.000.000.000	431.588.293	40.171.308.306	15.254.380.256	164.857.276.855
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.340.210.738	16.340.210.738
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	508.381.225	(508.381.225)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(4.071.206.893)	(4.071.206.893)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(9.810.000.000)	(9.810.000.000)
Số dư cuối năm nay	109.000.000.000	431.588.293	40.679.689.531	17.205.002.876	167.316.280.700

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

		Số tiền
		VND
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100,00%	14.594.095.838
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,48%	508.381.225
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	27,90%	4.071.206.893
Chi trả cổ tức (tương ứng 9% vốn điều lệ)	67,22%	9.810.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,40%	204.507.720
Lợi nhuận chưa phân phối 2018 (do điều chỉnh thanh tra thuế)		660.284.418
Tổng lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang đầu kỳ 2020		864.792.138

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	53,44	58.252.700.000	53,44	58.252.700.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	0,00	-	20,02	21.821.000.000
- Công ty TNHH Nước sạch REE	20,02	21.821.000.000	0,00	-
- Ngân hàng TMCP Đông Á	10,00	10.900.000.000	10,00	10.900.000.000
- Các cổ đông khác	16,54	18.026.300.000	16,54	18.026.300.000
	100	109.000.000.000	100	109.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	109.000.000.000	109.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	109.000.000.000	109.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	788.220.075	775.244.215
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	9.810.000.000	8.720.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(9.768.877.595)	(8.707.024.140)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(9.768.877.595)	(8.707.024.140)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	829.342.480	788.220.075

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.900.000	10.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.900.000	10.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.900.000	10.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	40.679.689.531	40.171.308.306
	40.679.689.531	40.171.308.306



20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất không hủy ngang trả tiền hằng năm, cụ thể như sau:

<u>Địa điểm thuê</u>	<u>Mục đích sử dụng</u>	<u>Thời hạn thuê</u>	<u>Diện tích đất (m²)</u>
- Số 470 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trạm bơm	50 năm kể từ ngày 02/01/2007	1.170,3
- Số 1179 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trụ sở Công ty	50 năm kể từ ngày 21/05/2004	5.015,0

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Các khách lẻ và doanh nghiệp	2.842.838.080	-
	<u>2.842.838.080</u>	<u>-</u>

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	737.410.705.889	655.134.941.032
Doanh thu dịch vụ nước sạch (thay gắn ĐHN, sửa chữa...)	3.576.429.439	3.192.536.468
Doanh thu nước Sawanew	5.000.264.772	5.512.811.581
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	781.162.101	985.525.731
Doanh thu khác	2.564.074.099	177.684.419
	<u>749.332.636.300</u>	<u>665.003.499.231</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

	<u>526.561.813</u>	<u>534.327.272</u>
--	--------------------	--------------------

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	515.088.882.598	436.499.867.909
Giá vốn dịch vụ nước sạch (thay gắn ĐHN, sửa chữa...)	2.826.290.001	2.734.883.281
Giá vốn nước Sawanew	3.044.477.478	3.087.452.399
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	350.806.738	653.115.782
Giá vốn khác	1.345.788.385	135.749.026
	<u>522.656.245.200</u>	<u>443.111.068.397</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.642.164.376	865.175.962
	<u>1.642.164.376</u>	<u>865.175.962</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.472.268.170	35.187.979.173
Chi phí nhân công	62.489.440.150	61.476.343.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.425.469.568	22.569.463.062
Chi phí chống thất thoát nước	8.631.801.365	11.020.939.335
Chi phí bán hàng nước Sawanew	1.844.306.493	2.304.521.532
Chi phí bằng tiền khác	665.514.321	376.472.172
	139.528.800.067	132.935.718.426

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.749.821.551	3.691.799.210
Chi phí nhân công	30.047.676.543	26.086.496.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.782.558.818	2.749.046.121
Chi phí dự phòng	246.634.836	142.222.962
Thuế, phí, và lệ phí	4.303.764.779	6.682.673.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.276.437.421	1.811.526.728
Chi phí khác bằng tiền	25.843.745.511	31.000.408.771
	68.250.639.459	72.164.174.289

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.727.273
Thu nhập từ tiền bồi thường	387.311.081	409.392.182
Phí Bảo vệ môi trường	-	585.652.837
Thu nhập khác	20.044.426	82.160.213
	407.355.507	1.079.932.505

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phụ cấp từ phí bảo vệ môi trường	-	539.377.168
Các khoản bị phạt	147.118.896	225.326.288
Chi phí khác	11.780	1.801
	147.130.676	764.705.257

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	20.799.340.781	17.972.941.329
Các khoản điều chỉnh tăng	4.332.490.941	6.413.186.766
- Chi phí không được trừ	3.676.572.045	5.679.060.478
- Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	508.800.000	508.800.000
- Các khoản phạt	147.118.896	225.326.288
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.857.299.336)	(6.602.631.825)
- Hoàn nhập chi phí bảo hiểm, lịch, thay đồng hồ và đại xám năm trước đã loại trừ	8.317.989.074	1.715.357.249
- Chi phí bảo hiểm, thay đồng hồ, đại xám, trụ tín hiệu, lịch	(17.175.288.410)	(8.317.989.074)
Thu nhập chịu thuế TNDN	33.989.131.058	30.988.759.920
Trong đó:		
Thu nhập ưu đãi thuế suất- thuế suất 10%	4.703.116.768	5.083.812.252
Thu nhập không được ưu đãi thuế suất - thuế suất 20%	29.286.014.290	25.904.947.668
Chi phí thuế TNDN đối với thu nhập được ưu đãi	470.311.677	508.381.225
Chi phí thuế TNDN đối với thu nhập không được ưu đãi	5.857.202.858	5.180.989.534
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.327.514.535	5.689.370.759
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(96.924.625)	34.252.191
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.358.764.535	2.593.862.291
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.899.232.686)	(4.958.720.706)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.690.121.759	3.358.764.535

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.435.057.682	1.663.597.815
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.435.057.682	1.663.597.815

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.771.459.867)	(1.320.526.365)
	<u>(1.771.459.867)</u>	<u>(1.320.526.365)</u>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	16.340.210.738	13.569.844.744
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	16.340.210.738	13.569.844.744
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.900.000	10.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.499</u>	<u>1.245</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.222.089.721	42.001.707.192
Chi phí nhân công	95.581.594.171	94.897.664.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.319.043.191	31.214.806.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.240.074.289	2.452.668.438
Chi phí khác bằng tiền	38.224.593.717	37.446.876.480
	<u>214.587.395.089</u>	<u>208.013.722.196</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.293.732.943	-	23.972.454.503	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.209.776.043	-	16.596.580.077	(2.401.704.264)
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	<u>89.503.508.986</u>	<u>-</u>	<u>50.569.034.580</u>	<u>(2.401.704.264)</u>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	84.366.451.035	59.458.771.519
Chi phí phải trả	1.299.127.589	2.346.664.894
	85.665.578.624	61.805.436.413

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.293.732.943	-	-	62.293.732.943
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.209.776.043	-	-	17.209.776.043
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	89.503.508.986	-	-	89.503.508.986
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.972.454.503	-	-	23.972.454.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.194.875.813	-	-	14.194.875.813
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	48.167.330.316	-	-	48.167.330.316

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	83.743.834.835	622.616.200	-	84.366.451.035
Chi phí phải trả	1.299.127.589	-	-	1.299.127.589
	85.042.962.424	622.616.200	-	85.665.578.624
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	58.816.155.319	642.616.200	-	59.458.771.519
Chi phí phải trả	2.346.664.894	-	-	2.346.664.894
	61.162.820.213	642.616.200	-	61.805.436.413

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ
Nhà máy nước Thủ Đức	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.561.813	534.327.272
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	126.561.818	120.828.182
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	44.572.727	38.027.273
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	70.154.545	83.150.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	1.218.181	7.114.545
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	1.290.909	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	271.409.090	244.590.909
- Nhà máy nước Thủ Đức	5.727.272	8.914.545
- Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ	2.609.090	1.801.818
- Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	318.181	10.145.455
- Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	2.700.000	19.754.545

105-
NG TY
KIỂM HƯ
KIỂM
AAS
N KIỂM

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	322.508.592	196.960.592
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	142.851.674	138.511.674
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	135.900.000	7.150.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	-	1.340.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	2.940.000	6.320.000
- Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	-	1.980.000
- Nhà máy nước Thủ Đức	-	842.000
- Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch Sài Gòn	40.816.918	40.816.918
Phải trả cho người bán ngắn hạn	69.719.083.554	43.086.612.082
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	69.719.083.554	43.086.612.082

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị	959.471.591	949.029.546
- Ông Nguyễn Doãn Xã - Chủ tịch	-	189.574.091
- Ông Nguyễn An - Chủ tịch	599.471.591	399.455.455
- Bà Nguyễn Hương Lan - Thành viên	-	24.000.000
- Ông Bùi Thanh Giang - Thành viên (*)	72.000.000	72.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên	72.000.000	72.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình - Thành viên(*) Miễn nhiệm ngày 28/08/2020	48.000.000	72.000.000
- Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên (*)	72.000.000	72.000.000
- Ông Lý Bửu Nghĩa - Thành viên (*)	72.000.000	48.000.000
- Ông Lục Chánh Trường - Thành viên (*) Bỏ nhiệm ngày 28/08/2020	24.000.000	-
Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc	1.543.137.728	1.616.241.364
- Ông Lý Thành Tài - Giám đốc	610.977.273	646.404.546
- Ông Dương Văn Hòa - Phó Giám đốc	463.022.955	470.034.318
- Ông Phạm Chí Thiện - Phó Giám đốc	469.137.500	499.802.500
Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát	589.778.409	582.750.454
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Trưởng ban	-	139.901.909
- Bà Võ Thị Cẩm Tú - Trưởng ban	440.978.409	306.448.545
- Ông Nguyễn Công Thành - Thành viên	37.200.000	37.200.000
- Bà Phạm Thị Phương Linh - Thành viên	37.200.000	37.200.000
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Thành viên (*)	37.200.000	37.200.000
- Ông Nguyễn Hoàng Lam - Thành viên	37.200.000	24.800.000

(*): Thù lao được Công ty chuyển về đơn vị chủ sở hữu (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh REE)

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 căn cứ theo kết quả trong Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/06/2020 cho kỳ kiểm tra thuế năm 2018 về việc điều chỉnh thuế GTGT do áp sai đơn giá, điều chỉnh thuế TNDN do ghi nhận thiếu chi phí khấu hao, giảm chi phí trả trước và loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN chưa đúng... và một số điều chỉnh phân loại khác. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	14.668.672.641	15.093.150.981	424.478.340
Tài sản cố định hữu hình	221	160.927.169.933	161.432.658.705	505.488.772
<i>Nguyên giá</i>	222	399.513.065.453	403.304.231.252	3.791.165.799
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(238.585.895.520)	(241.871.572.547)	(3.285.677.027)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.543.177.644	1.663.597.815	120.420.171
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.848.655.010	11.238.757.875	390.102.865
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	14.594.095.838	15.254.380.256	660.284.418
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.603.202.779	5.723.622.950	120.420.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(1.200.106.194)	(1.320.526.365)	(120.420.171)



Võ Thị Kim Loan
Người lập



Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng



Lý Thành Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021